

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Nguyễn Thị Hương**
Giảng viên hướng dẫn : **Ths. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THĂNG
LONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thi Hương
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thi Hương

Mã SV: 110202

Lớp: QT1105K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa được những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long.
 - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2010

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần May Thăng Long

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Hương

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1.Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.2.Các khái niệm cơ bản	2
1.1.2.1.Doanh thu	2
1.1.2.2.Chi phí	6
1.1.2.3.Xác định kết quả kinh doanh	8
1.1.3.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.	9
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:	9
1.2.1.2.Tài khoản sử dụng:	9
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	12
1.2.2. Kế toán Giá vốn hàng bán:	13
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng:	13
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:.....	13
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	14
1.2.3. Kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí Quản lý doanh nghiệp.	16
1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng:	16
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:	16
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	18

1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính& Chi phí tài chính	19
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng:	19
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:	19
1.2.5.3: Phương pháp hạch toán:.....	19
1.2.6. Kế toán thu nhập khác & chi phí khác.	21
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng:	21
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng:.....	21
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán:	21
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.2.7.1: Chứng từ sử dụng:	23
1.2.7.2: Tài khoản sử dụng:	23
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán:.....	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THĂNG LONG	26
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần May Thăng Long	26
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	26
2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh	27
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý	29
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty	32
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	32
2.1.4.2 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại công ty	34
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ sách tại công ty	34
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống BCTC tại công ty	35
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long	36
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng	36
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng	36
2.2.1.3. Trình tự hạch toán	36

2.2.1.3.Ví dụ	37
2.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán	47
2.2.2.1.Chứng từ sử dụng	47
2.2.2.2.Tài khoản sử dụng	47
2.2.2.3.Trình tự hạch toán	47
2.2.2.4.Ví dụ	48
2.2.3.Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	52
2.2.3.1.Chứng từ sử dụng	52
2.2.3.2.Tài khoản sử dụng	52
2.2.3.3.Trình tự hạch toán	52
2.2.3.4.Ví dụ	53
2.2.4.Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính	58
2.2.4.1.Chứng từ sử dụng	58
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng	58
2.2.4.2.Trình tự hạch toán	58
2.2.4.3.Ví dụ	59
2.2.5.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	64
2.2.5.1.Chứng từ sử dụng	64
2.2.5.2.Tài khoản sử dụng	64
2.2.5.3.Trình tự hạch toán	64
2.2.5.4.Ví dụ	64
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	70
2.2.6.1. Chứng từ sử dụng	70
2.2.6.2.Tài khoản sử dụng	70
2.2.6.3.Trình tự hạch toán	70
2.2.6.4.Ví dụ	70
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THĂNG LONG	77

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long.	77
3.1.1. Ưu điểm	78
3.1.2. Hạn chế	79
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long.	80
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	80
3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long.	81
3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Công ty Cổ phần May Thăng Long. ..	81
3.2.2.2. Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty Cổ phần May Thăng Long	90
3.2.2.3. Hoàn thiện chính sách chiết khấu tại Công ty Cổ phần May Thăng Long	92
3.2.2.4. Một số giải pháp khác	93
KẾT LUẬN	95
TÀI LIỆU THAM KHẢO	96

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề lớn nhất mà doanh nghiệp quan tâm là làm thế nào để đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất tức là tối đa hóa được lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí. Lợi nhuận là thước đo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, và các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc tính toán lợi nhuận của doanh nghiệp chính là các khoản doanh thu và các khoản chi phí.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, chi phí của doanh nghiệp đầy đủ và kịp thời góp phần tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất. Việc ghi chép chính xác nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng rất lớn đến tình hình thực hiện tài chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng đó cùng với sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh em đã nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long”** làm đề tài tốt nghiệp. Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long.

Với mong muốn được củng cố, hoàn thiện và ngày càng nâng cao trình độ nghiệp vụ về kế toán, em rất mong được sự xem xét, chỉ bảo, tham gia góp ý kiến của các quý thầy cô nhằm giúp cho luận văn này đạt kết quả tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 6 tháng 7 năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Hương

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Doanh thu là nguồn tài chính để đảm bảo trang trải các khoản chi phí trong hoạt động kinh doanh, để đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu cũng là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn để tham gia góp vốn cổ phần... ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp sao một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản

1.1.2.1. Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì:

❖ **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm:

✓ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng.

Doanh thu bán hàng: là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá do doanh nghiệp sản xuất ra hoặc do doanh nghiệp mua về.

Theo chuẩn mực 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*** Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:**

➤ *Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:*

Trường hợp giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức gọi là tiêu thụ.

Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm đã quy định trước trong trường hợp: sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

➤ *Phương thức gửi hàng cho khách hàng:*

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

➤ *Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng:*

Đối với đơn vị ký gửi hàng hóa (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng theo tỷ lệ phần trăm

trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: Số sản phẩm, hàng hóa nhận bán, ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.

➤ *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.*

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

➤ *Phương thức hàng đổi hàng:*

Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy vật tư, hàng hoá khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá tương ứng trên thị trường.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Theo chuẩn mực 14, doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✓ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

- *Chiết khấu thương mại:* Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- *Giảm giá hàng bán:* Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- *Hàng bán bị trả lại:* Là trị giá của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- *Thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp trực tiếp:* Thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên khoản giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Trong đó, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp là khoản thuế tính trên một phần giá trị tăng thêm của hàng hóa theo phương pháp trực tiếp.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* Là thuế tiêu dùng đánh vào một số loại hàng hóa, dịch vụ đặc biệt nằm trong danh mục quy định chịu thuế của Nhà nước.
- *Thuế xuất khẩu:* Là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu sang quốc gia khác.

✓ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính. Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

✓ **Thu nhập khác:** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản TSCĐ.

- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.1.2.2. Chi phí

Theo chuẩn mực kế toán số 01 “Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì:

❖ **Chi phí:** bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác.

✓ **Chi phí sản xuất, kinh doanh:** Bao gồm:

- *Giá vốn hàng bán:* Là giá vốn thực tế xuất kho của một số hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán:

Theo chuẩn mực 02 “Hàng tồn kho” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Theo phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Phương pháp nhập trước, xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Phương pháp nhập sau, xuất trước: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

- *Chi phí bán hàng:* là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển...

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp:* là toàn bộ các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất...

- *Chi phí tài chính:* là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp

✓ *Chi phí khác:* là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác

✓ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận:

$$\text{DTT về BH và cung cấp DV} = \text{DTBH và cung cấp DV} - \text{Các khoản giảm trừ DT}$$

$$\text{LN gộp về BH và cung cấp DV} = \text{DTT về BH và cung cấp DV} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
-----------------------------------------	---	-----------------------------------------------	---	-------------------------------	---	-------------------	---	------------------	---	------------------------------

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} + \text{Chi phí thuế TNDN}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định và phân phối kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

+ Ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình bán hàng, từng chủng loại, từng địa điểm, từng phương thức bán.

+ Tính toán, phản ánh chính xác tổng giá trị thanh toán của hàng hoá bán ra bao gồm: doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm hàng, mặt hàng, của từng hoá đơn, của từng khách hàng, của từng đơn vị trực thuộc...

+ Xác định chính xác giá mua thực tế của hàng hoá đã bán ra (giá vốn), việc phân bổ chi phí thu mua cho hàng tiêu thụ để xác định chính xác kết quả bán hàng

+ Kiểm tra đơn đốc và thu hồi tiền hàng, khách hàng nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, từng lô hàng và từng số tiền và thời hạn phải trả, tình hình trả nợ của khách hàng

+ Tập hợp đầy đủ, chính xác, đầy đủ các khoản chi phí bán hàng thực tế phát sinh, phân bổ kết chuyển chi phí bán hàng cho hàng đã tiêu thụ làm căn cứ cho việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

+ Tham mưu các biện pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay tổng vốn

+ Cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình bán hàng cho lãnh đạo để phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh, cung cấp số liệu, tài liệu cho các ngành quản lý phục vụ cho yêu cầu quản lý chung của ngành thương mại và của nền kinh tế.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

+ Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

+ Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).

+ Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH).

+ Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo Có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).

+ Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

➤ **TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.”**

Tài khoản này sử dụng để phản ánh Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD.

TK 511 có 6 TK cấp 2.

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa: được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật tư.

- TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm: được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: công nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.

- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: được sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

- TK 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá: được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

- TK 5117 – Doanh thu kinh doanh BĐSĐT

- TK 5118 – Doanh thu khác.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511:

Bên Nợ:

Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng (giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại)

Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần, doanh thu BĐSĐT sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, doanh thu BĐSĐT của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

➤ **TK 512- : “ Doanh thu bán hàng nội bộ ”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

- TK 5121 – Doanh thu bán hàng hóa nội bộ

- TK 5122 – Doanh thu bán thành phẩm nội bộ

- TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 512:

Bên Nợ:

Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên Doanh thu bán hàng nội bộ của doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản ghi giảm doanh thu (giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại) của hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Doanh thu bán hàng nội bộ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán

➤ **TK 521 “Chiết khấu thương mại.”**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 521:

Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư.

TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:

TK 5211: Chiết khấu hàng hoá.

TK 5212: Chiết khấu thành phẩm.

TK 5213: Chiết khấu dịch vụ.

➤ **TK 531 “Hàng bán bị trả lại”**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 531:

Bên Nợ: Trị giá hàng bán bị trả lại.

Bên Có: Kết chuyển toàn bộ doanh thu của số hàng bán bị trả sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư.

➤ **TK 532 “Giảm giá hàng bán”.**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc sử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 532

Bên Nợ: Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng.

Bên Có: K/c toàn bộ doanh thu của số giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 532 không có số dư.

➤ *Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt và xuất khẩu*

Sử dụng các tài khoản sau:

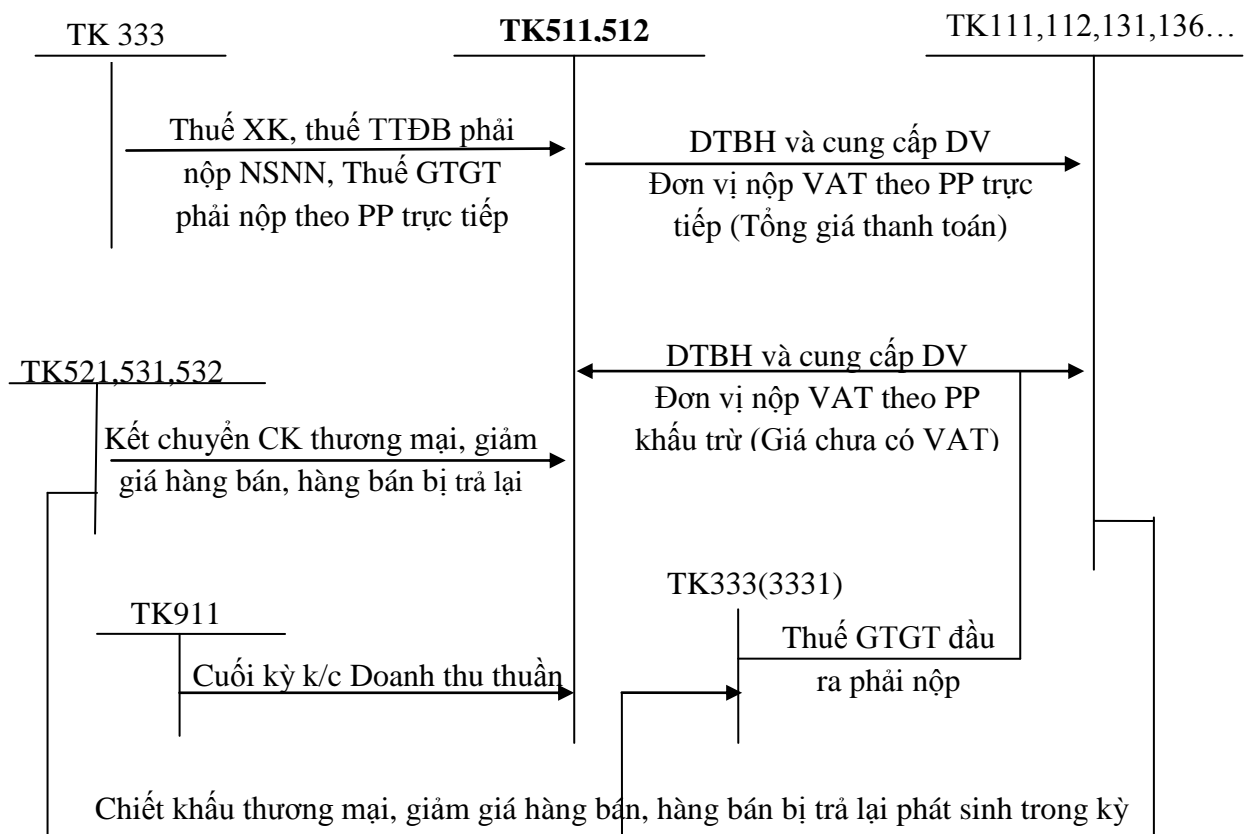
TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt.

TK 3333: Thuế xuất, nhập khẩu.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Kế toán Giá vốn hàng bán:

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01 GTGT – 3LL)
- Hợp đồng kinh tế...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

✓ Theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán” phản ánh giá trị vốn của hàng hóa xuất bán trong kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được tính vào giá vốn.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

✓ Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê định kỳ sử dụng thêm: **TK 631: “Giá thành sản xuất”**

Kết cấu tài khoản 631: Giá thành sản xuất

Bên Nợ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ
- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ

Bên Có:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”
- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 “Giá vốn hàng bán”

Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ

Kết cấu tài khoản 632: Giá vốn hàng bán theo phương pháp Kiểm kê định kỳ.

Bên Nợ:

- Trị giá vốn thành phẩm, hàng hóa tồn kho đầu kỳ.
- Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ.
- Tổng giá thành thực tế TP, lao vụ, DV đã hoàn thành.

Bên Có:

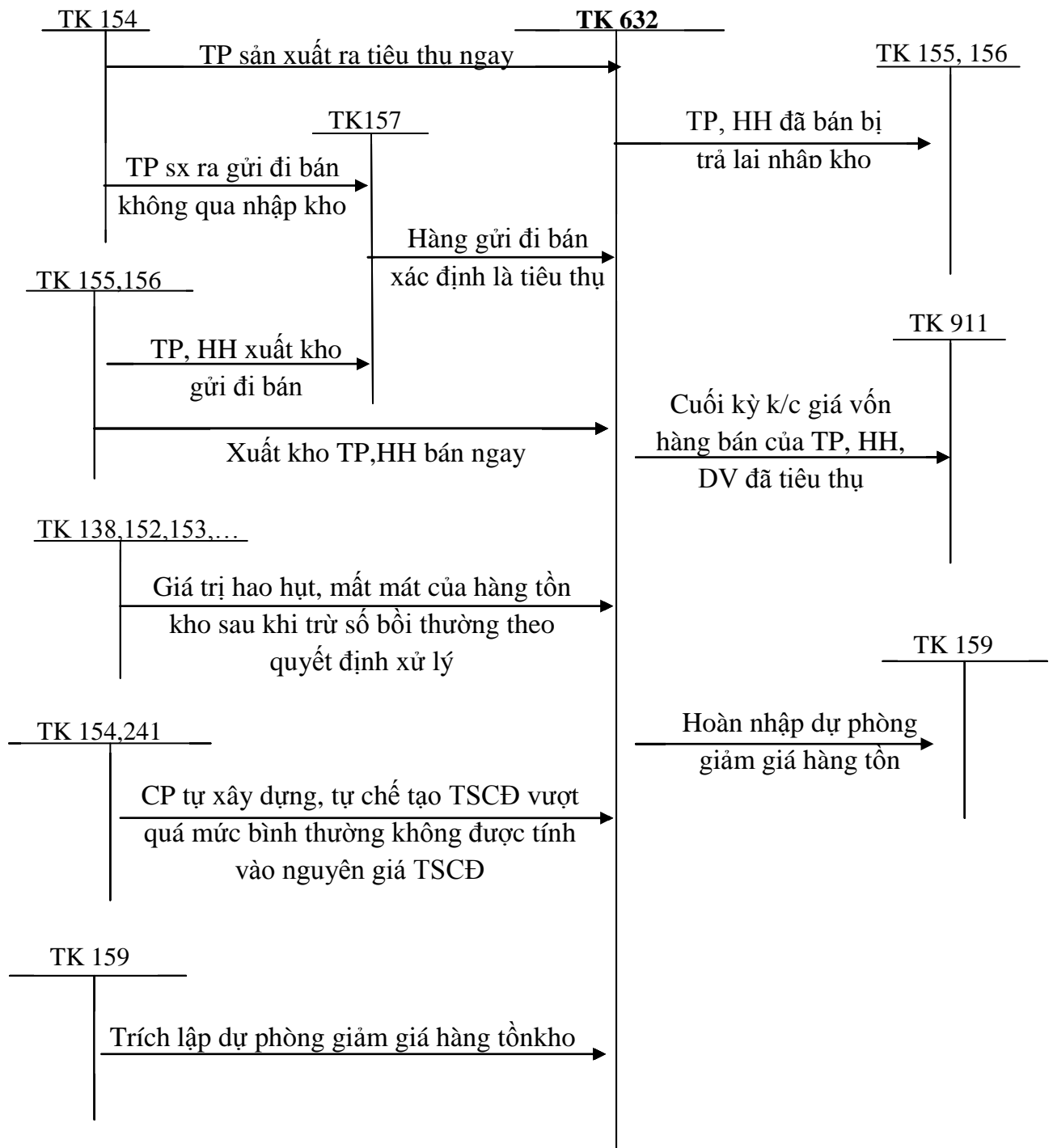
- Kết chuyển trị giá vốn TP, hàng hóa tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155
- Kết chuyển trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ vào bên Nợ TK 157.
- Kết chuyển giá vốn HH, TP, DV đã xuất bán sang bên Nợ TK 911 XĐKQKD.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

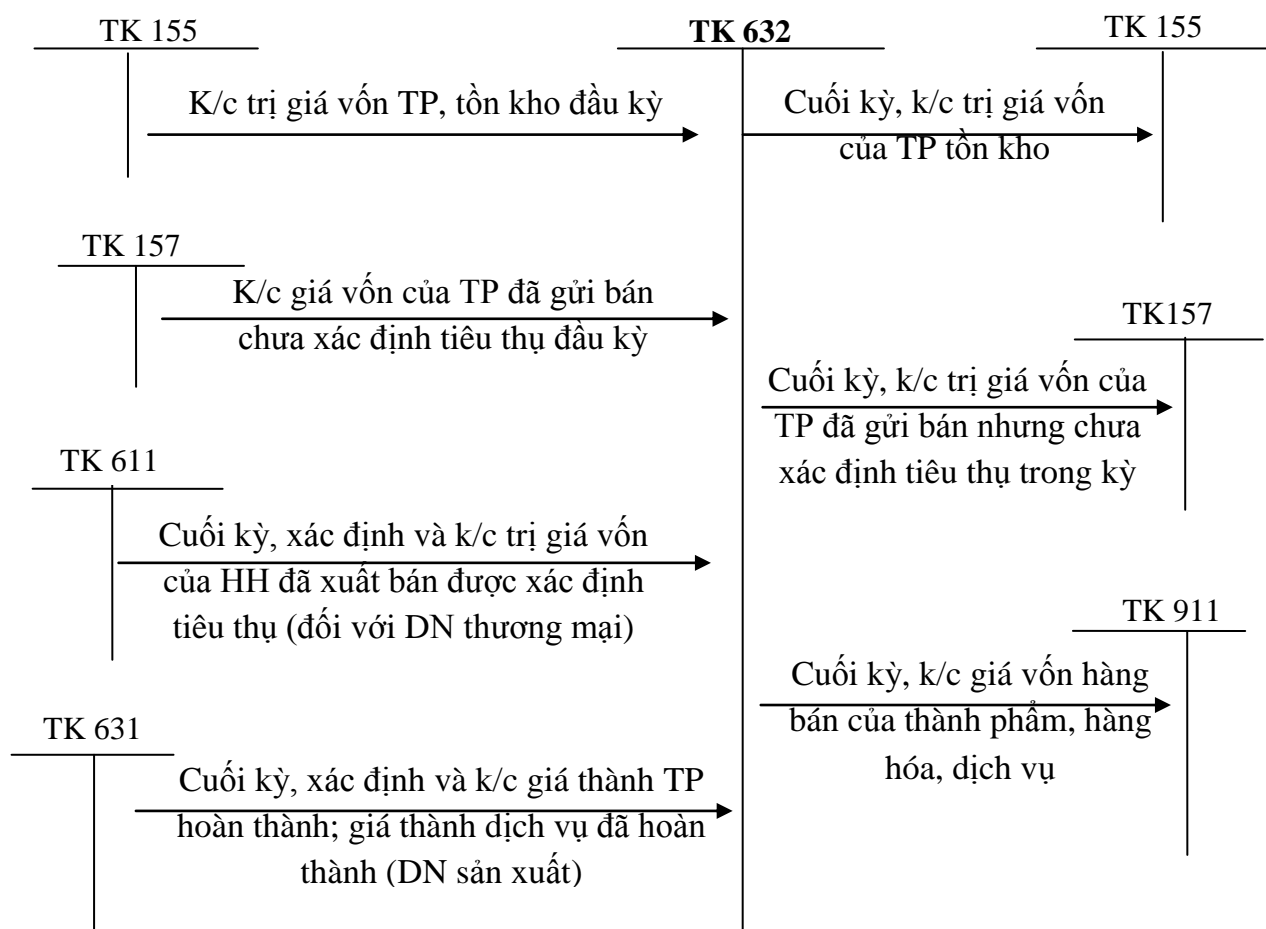
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được thể hiện qua sơ đồ 1.2 và sơ đồ 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3. Kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí Quản lý doanh nghiệp.

1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – Công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Các chứng từ gốc có liên quan.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

TK 641 “ **Chi phí bán hàng**” phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

TK 641 – Chi phí bán hàng có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- Tk 6414: Chi phí KHTSCĐ.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

- Các khoản giảm chi phí bán hàng (nếu có).
- Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

TK 642 “**Chi phí quản lý doanh nghiệp**” phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

TK 642 – Chi phí Quản lý doanh nghiệp có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí nhân viên.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí KHTSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

Bên Có:

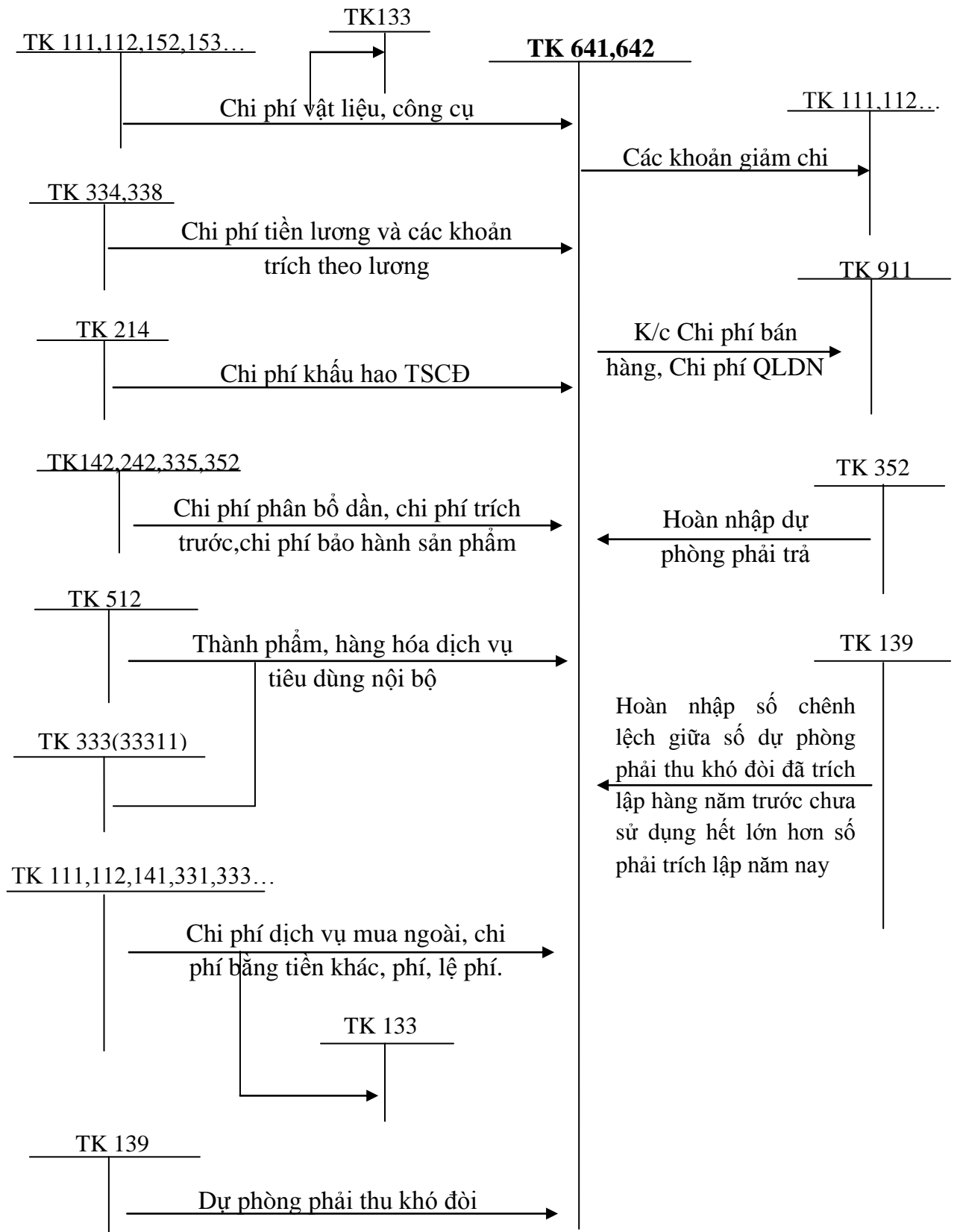
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí QLDN trong kỳ vào bên Nợ TK 911.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán CPBH và CPQLDN được thể hiện qua sơ đồ 1.4 sau:

Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN.



1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính & Chi phí tài chính.**1.2.5.1. Chứng từ sử dụng:**

Giấy báo Có, giấy báo Nợ của ngân hàng.

Phiếu thu, phiếu chi.

Các hợp đồng vay.

Các giấy tờ khác liên quan.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:

➤ **TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- K/c doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 xác định KQKD.

Bên Có:

- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

➤ **TK 635 – Chi phí tài chính:** Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, góp vốn liên doanh liên kết...

Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí chuyển nhượng đất,..., được xác định là tiêu thụ.

Bên Có:

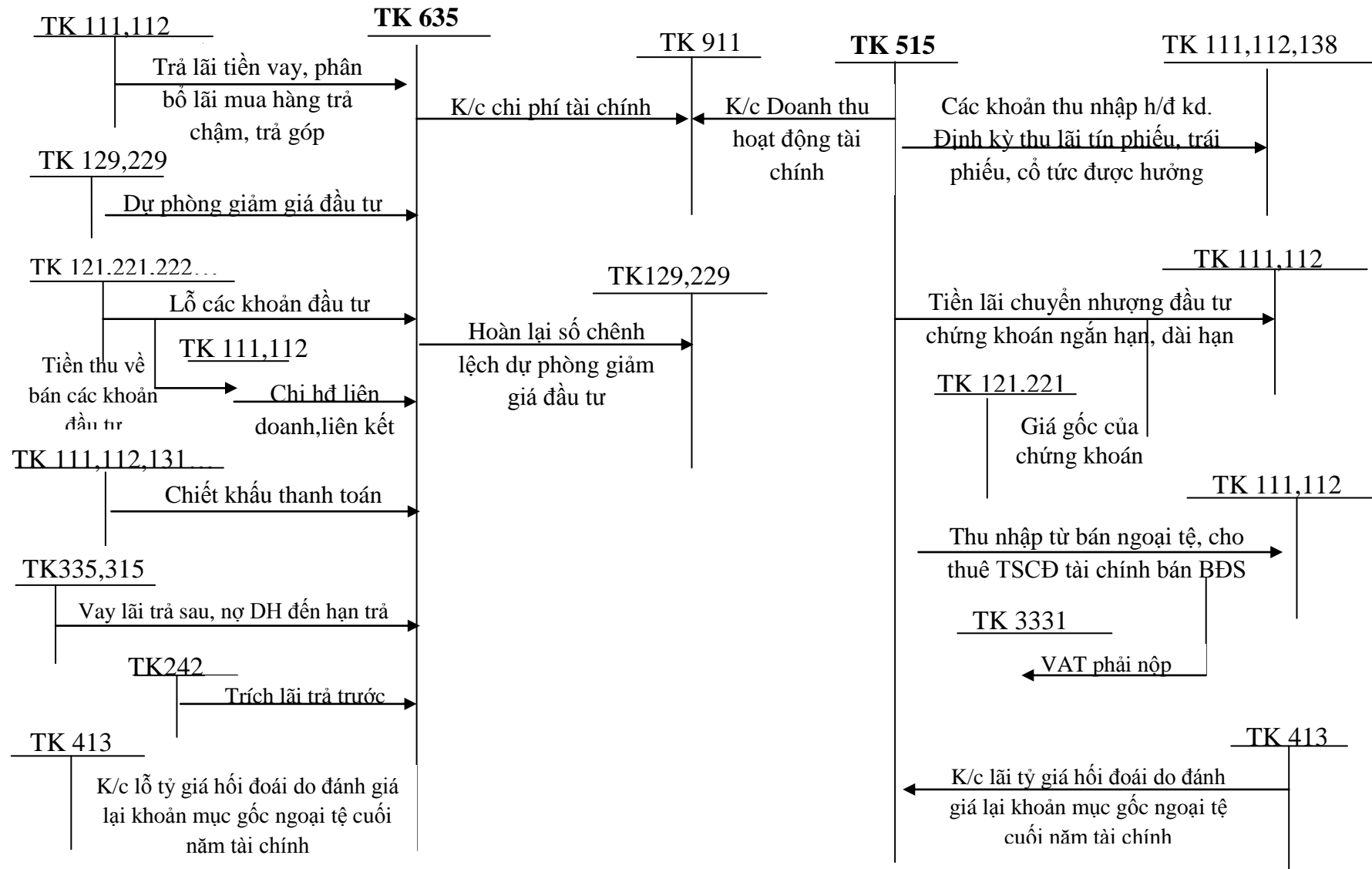
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ, k/c toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3: Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.5 sau:

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính.



1.2.6. Kế toán thu nhập khác & chi phí khác.

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng:

Hóa đơn Giá trị gia tăng

Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy ủy nhiệm chi, giấy báo có của Ngân hàng...

Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế...

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng:

➤ **TK 711 – “Thu nhập khác”**: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) ở DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ k/c các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

➤ **TK 811 – “Chi phí khác”**: Tài khoản này phản ánh những chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt đối với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản.

Bên Nợ:

Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

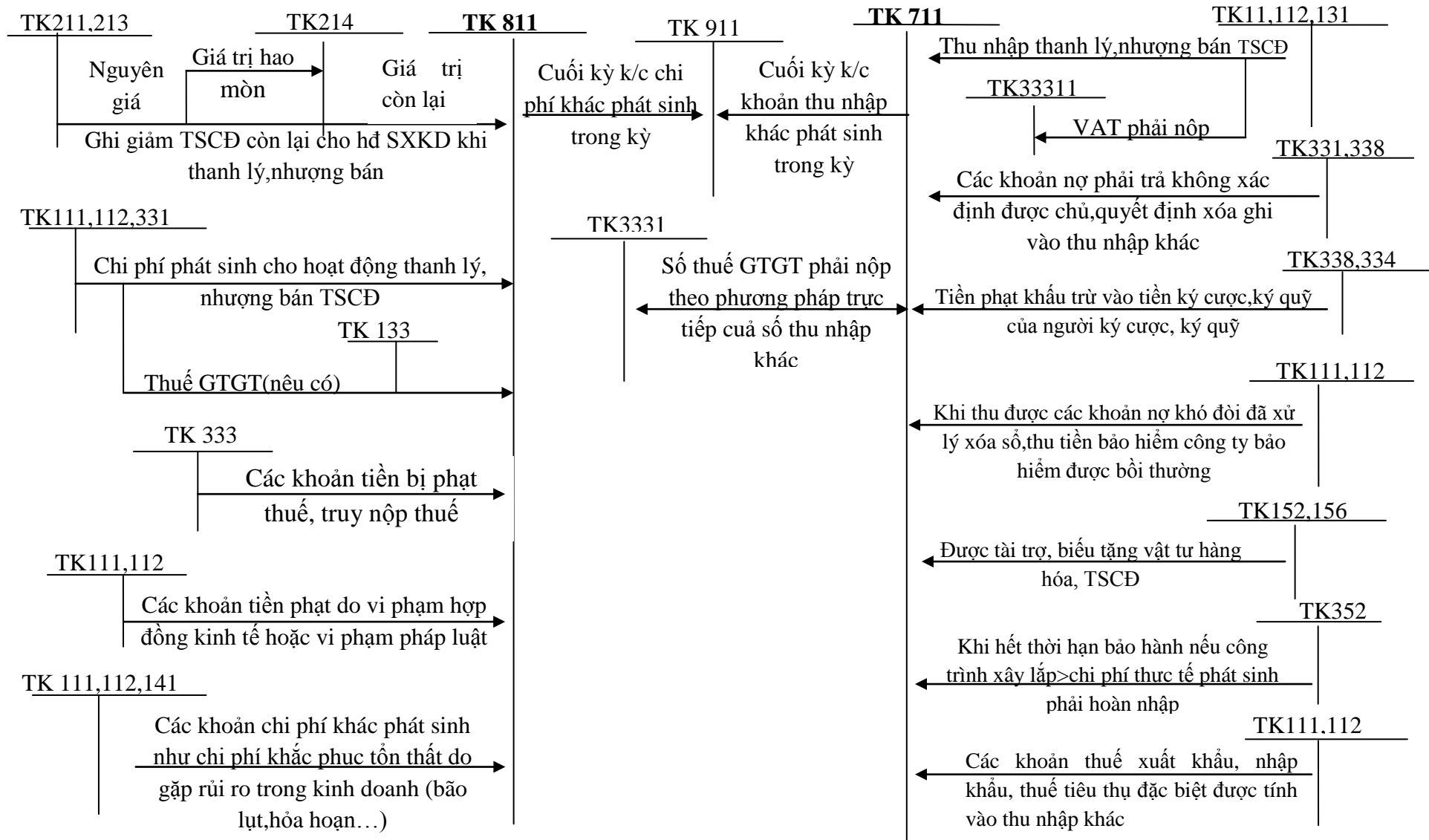
Cuối kỳ k/c toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.6 sau:

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.



1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.2.7.1: Chứng từ sử dụng:

Phiếu kế toán.

1.2.7.2: Tài khoản sử dụng:

TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của SP, HH, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.
- Chi phí bán hàng, chi phí QLDN.
- Chi phí tài chính, chi phí Thuế TNDN và chi phí khác.
- K/c lãi sau thuế.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số SP, HH, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính.
- Thu nhập khác, khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- K/c lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra còn sử dụng các tài khoản: TK 821 và TK 421

TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm.

TK 821 có hai TK cấp 2:

TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện không trọng yếu của các năm trước.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả.
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên Có:

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm

- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại.

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối” dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (Lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp, bổ sung nguồn vốn kinh doanh

- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, cho các bên tham gia liên doanh

- Nộp lợi nhuận lên cấp trên

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ

- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù

- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

TK 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có

Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa xử lý

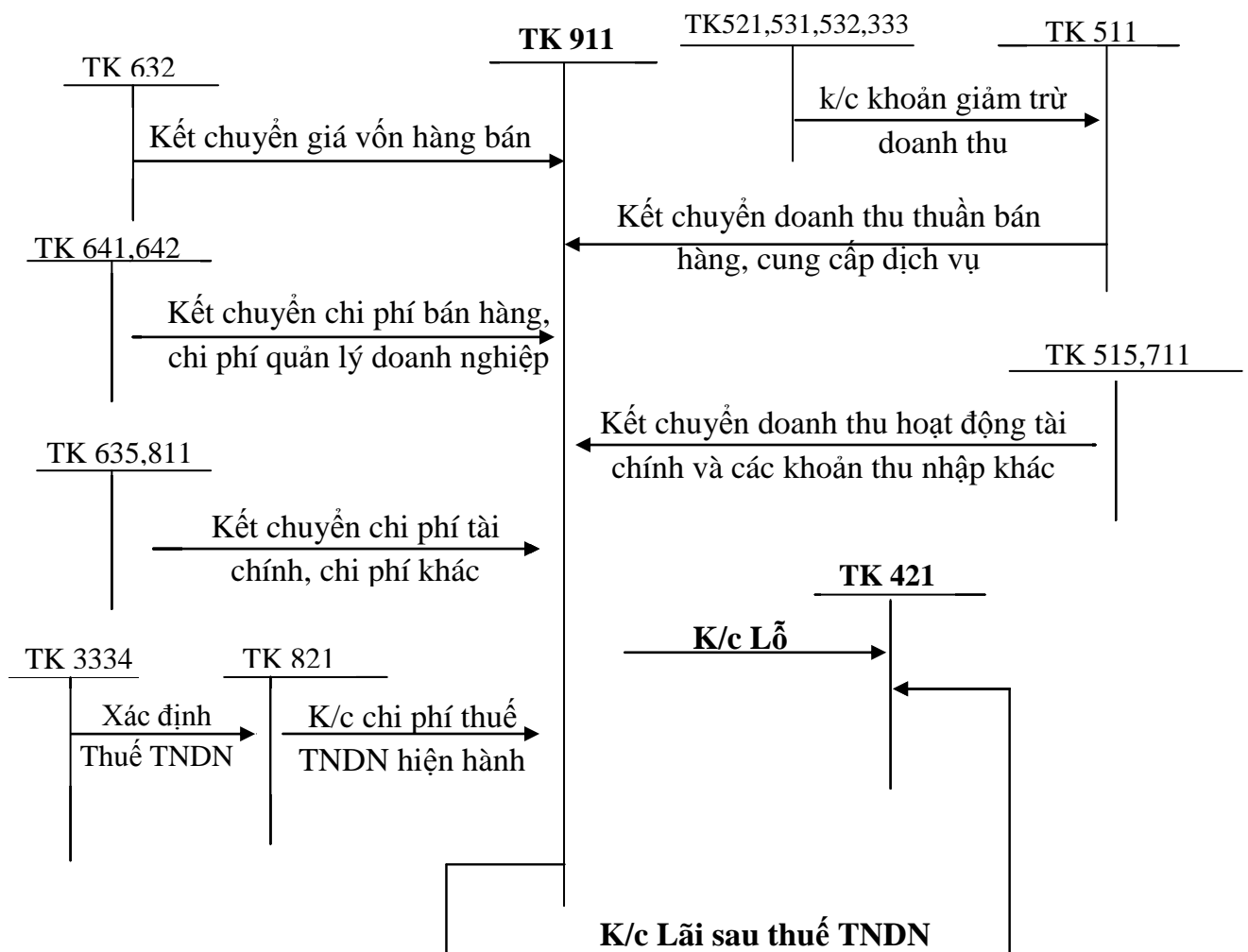
TK 421 có hai TK cấp 2:

- TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

1.2.7.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THĂNG LONG

2.1. *Khái quát chung về Công ty Cổ phần May Thăng Long*

- Tên công ty: Công ty Cổ phần May Thăng Long
- Tên giao dịch Quốc tế: Thăng Long Garment Joint Stock Company
- Tên viết tắt: THALOGA
- Trụ sở chính: Số 250, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Điện thoại: (84-4) 8623372 – 8623054
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103003573
- Vốn điều lệ của Công ty: 23.306.700.000đồng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần May Thăng Long được thành lập ngày 08/05/1958 tiền thân là Công ty May mặc xuất khẩu; tháng 8/1965 được đổi thành Xí nghiệp may mặc xuất khẩu trực thuộc Tổng công ty xuất nhập khẩu tạp phẩm - TOCONTAP, Bộ Ngoại thương. Năm 1979, được đổi tên thành Xí nghiệp may Thăng Long thuộc Liên hiệp xí nghiệp may - Bộ công nghiệp nhẹ. Tháng 3/1992 được đổi tên thành Công ty May Thăng Long theo quyết định số: 218/BCN-TCLC của Bộ công nghiệp nhẹ; trực thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Tháng 10/2003 Công ty May Thăng Long được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần May Thăng Long, nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51% theo quyết định số: 165/TCLĐ-BCN ngày 14/10/2003 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp và công ty hoạt động hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Tháng 12/2006 Công ty cổ phần May Thăng Long thực hiện việc đấu giá bán cổ phần thuộc sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, để chuyển thành Công ty cổ phần May Thăng Long 100% vốn thuộc các cổ đông ngoài nhà nước.

Công ty Cổ phần May Thăng Long là đơn vị tiên phong trong ngành Dệt May Việt Nam của phía Bắc về việc chuyển đổi mô hình tổ chức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51% và trong một thời gian rất ngắn lại chuyển đổi tiếp thành công ty cổ phần 100% cổ phần do các cổ đông góp vốn.

Hiện nay, Công ty là đơn vị liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Trải qua gần 50 năm xây dựng và trưởng thành của Công ty Cổ phần May Thăng Long

có thể nói đây là một chặng đường đầy gian nan thử thách và phấn đấu vươn lên hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Vinh dự là đơn vị đầu tiên làm mặt hàng may xuất khẩu đã hun đúc lòng tự hào, nghị lực và ý chí phi thường của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần May Thăng Long đã đạt được nhiều thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và phát triển của đất nước trong thời kỳ chống Mỹ cũng như trong thời kỳ đổi mới. Năng lực sản xuất được mở rộng, chủng loại sản phẩm phong phú với chất lượng ngày càng cao và đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước và nước ngoài góp phần tăng cao kim ngạch xuất khẩu cho ngành Dệt May Việt Nam. Ghi nhận những đóng góp đó, Đảng và Nhà nước đã trao tặng cho đơn vị nhiều huân chương cao quý.

Trong những năm tới, Công ty chủ trương mở rộng hoạt động kinh doanh, đầu tư sang lĩnh vực khác trên cơ sở giữ vững doanh thu ngành may; Định hướng cơ cấu tỷ trọng doanh thu may mặc 30%, đầu tư 30%, thương mại dịch vụ 40% (giá trị tuyệt đối của doanh thu may mặc giữ ổn định và tăng doanh thu về đầu tư và thương mại), tiến đến 2015 doanh thu dịch vụ chiếm 60% trong tổng doanh thu.

Sử dụng lợi thế về vị trí, diện tích nhà xưởng tại 250 Minh Khai và khai thác các nguồn lực tài chính để chuyển đổi đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất tại đây thành Tổ hợp chung cư cao cấp, trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất truyền thống ban đầu của công ty là các sản phẩm may mặc. Sau khi được cổ phần hoá công ty đã mở rộng và đăng ký thêm một số ngành nghề kinh doanh mới. Theo đó, hiện nay các ngành nghề kinh doanh của công ty gồm:

- + Sản xuất, kinh doanh và nhập khẩu hàng các sản phẩm may mặc, các loại nguyên liệu, thiết bị phụ tùng, phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm, thiết bị tạo mẫu thời trang và các sản phẩm khác của ngành dệt may.

- + Kinh doanh, xuất nhập khẩu các mặt hàng công nghệ thực phẩm, công nghiệp tiêu dùng, trang thiết bị văn phòng, nông, lâm, hải sản, thủ công mỹ nghệ (trừ loại nhà nước cấm)

- + Kinh doanh các sản phẩm vật liệu điện, điện tử, cao su, ô tô, xe máy, mỹ phẩm, rượu (không bao gồm kinh doanh quán bar)

- + Kinh doanh nhà đất, cho thuê văn phòng.

- + Kinh doanh kho vận, kho ngoại quan

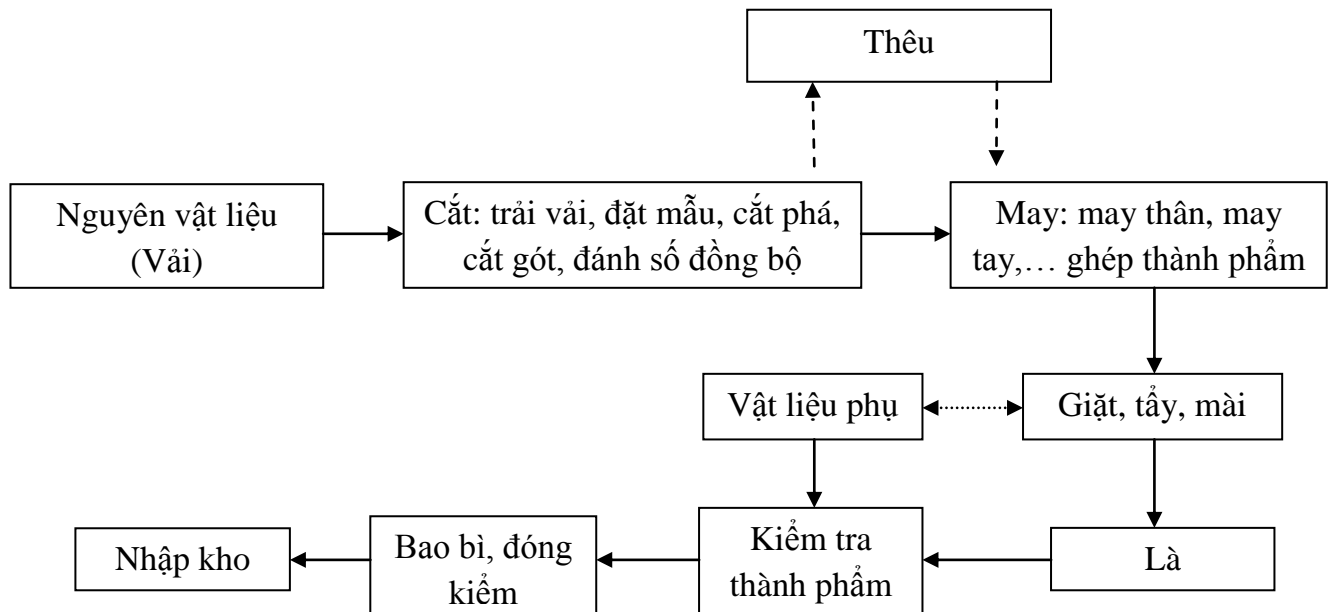
- + Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường), vận tải, du lịch lữ hành trong nước.
- + Xúc tiến thương mại
- + Kinh doanh lữ hành quốc tế và các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- + Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá.
- + Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh
- + Kinh doanh sắt, thép, thép không gỉ (ở dạng nguyên liệu, bán thành phẩm, phế liệu), kim loại màu (đồng, chì, nhôm, kẽm)
- + Dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu
- + Sản xuất, gia công, buôn bán vật liệu điện, thiết bị điện dân dụng, điện công nghiệp
- + Sản xuất, gia công, buôn bán thiết bị bưu chính viễn thông, tin học, máy móc phục vụ cho ngành công nghiệp và ngành nông nghiệp
- + Mua bán vật tư, thiết bị, nguyên liệu phục vụ ngành xi măng, ngành than;
- + Buôn bán ô tô, phương tiện vận tải và phụ tùng thay thế.
- + Khai thác, chế biến, buôn bán khoáng sản các loại (quặng các loại) (trừ loại khoáng sản nhà nước cấm)
- + Kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan đến xăng dầu, khí đốt.
- + Kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu gỗ (trừ loại nhà nước cấm)

Sự đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty là một hướng đi đúng hướng với nền kinh tế thị trường, đặc biệt là sự đón đầu của nền kinh tế hội nhập sẽ mở ra một viễn cảnh mới cho Công ty trong những năm tới.

Hiện nay đặc điểm sản xuất chủ yếu của công ty là sản xuất và gia công hàng may mặc theo các hợp đồng nên quá trình sản xuất thường mang tính hàng loạt, với số lượng và quy mô lớn. Do đó quy trình sản xuất trong công ty được tổ chức theo một dây chuyền khép kín với đầy đủ các công đoạn hoạt động liên tục.

Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.1:

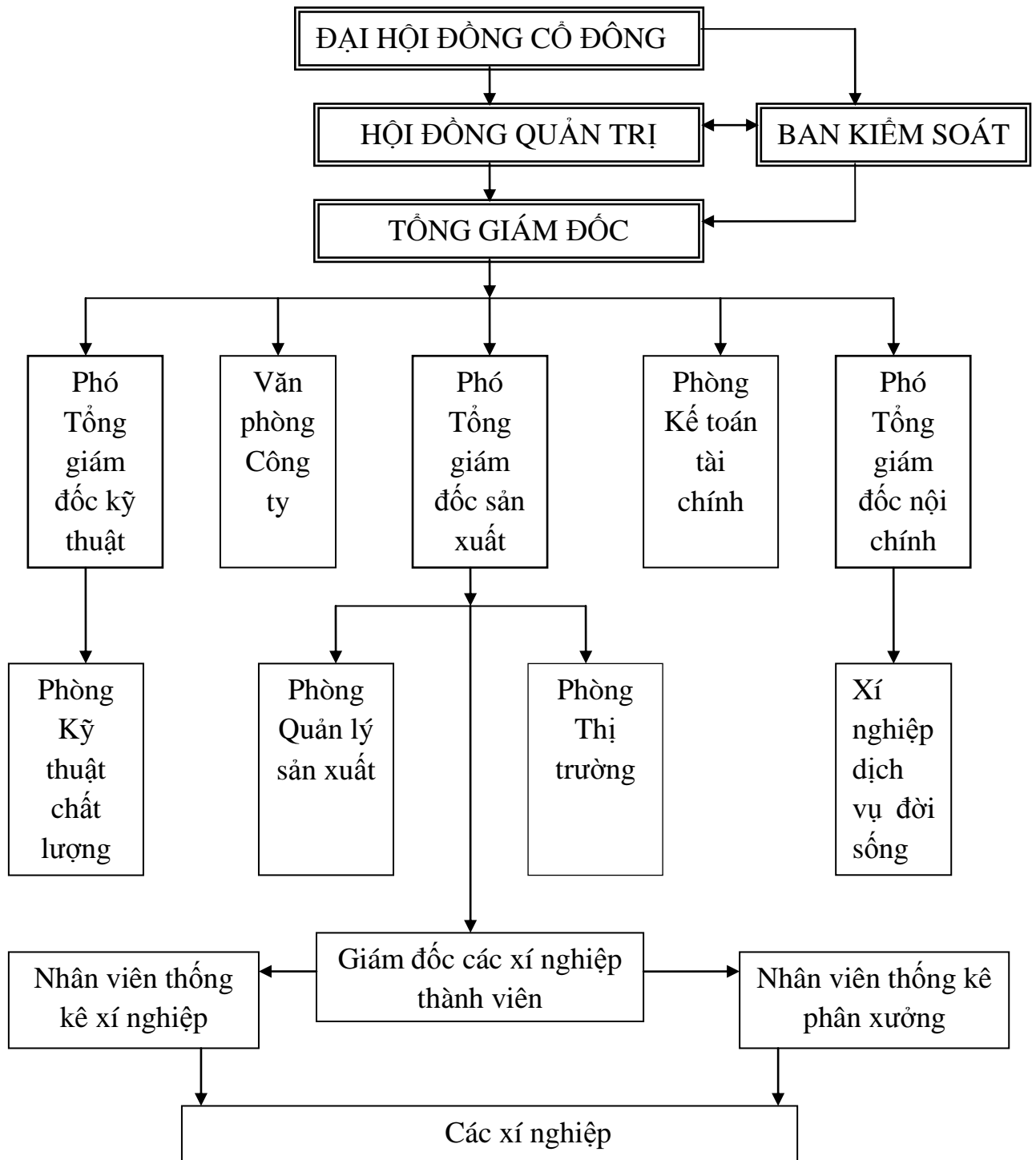
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của Công ty Cổ phần May Thăng Long



2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần May Thăng Long được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông bất thường nhất trí thông qua ngày 06/02/2007. Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến và được thể hiện qua sơ đồ 2.2:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần May Thăng Long



*** Chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các phòng ban, bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý công ty**

Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ của Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT): là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban Kiểm soát: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty; hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Ban Tổng giám đốc bao gồm 4 người:

+ Tổng giám đốc điều hành: quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng giám đốc, giám đốc điều hành Công ty là người giúp việc cho Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

+ Phó Tổng giám đốc kỹ thuật: có trách nhiệm giúp việc cho Tổng giám đốc về kỹ thuật sản xuất, thiết kế của Công ty.

+ Phó Tổng giám đốc sản xuất: có trách nhiệm giúp việc cho Tổng giám đốc, trực tiếp chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Phó Tổng giám đốc nội chính: có trách nhiệm giúp việc cho Tổng giám đốc về mặt đời sống của công nhân viên.

+ Dưới Ban Tổng giám đốc là các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ:

+ Văn phòng Công ty: có chức năng xây dựng phương án kiến toàn bộ máy tổ chức trong Công ty, quản lý nhân sự, Lao động tiền lương, bảo vệ an ninh chính trị trật tự an toàn trong Công ty; Đào tạo; y tế và thực hiện công tác hành chính đời sống quản trị.

+ Phòng Kế toán tài chính: có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính Nhà nước.

+ Phòng Kỹ thuật chất lượng: có chức năng hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ mới, chỉ đạo giám sát các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm trong Công ty.

+ Phòng Quản lý sản xuất: có chức năng lập kế hoạch sản xuất, theo dõi các mặt hàng, làm các thủ tục xuất hàng, vận chuyển hàng hoá. Quản lý các kho hàng, quản lý các tài sản máy móc thiết bị của Công ty, nâng cấp hoặc thay thế máy móc thiết bị hiện đại có tính kinh tế cao, tham gia giám sát các hoạt động đầu tư về máy móc thiết bị của Công ty và các công trình đầu tư xây dựng cơ bản.

+ Phòng Thị trường: có chức năng nghiên cứu, khảo sát thị trường trong và ngoài nước, thị hiếu của khách hàng để từ đó xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt được kết quả cao nhất. Đồng thời tổ chức và quản lý công tác xuất nhập khẩu hàng hoá.

Trong các xí nghiệp (XN) thành viên có Ban giám đốc xí nghiệp, giúp việc cho Ban giám đốc là các nhân viên thống kê xí nghiệp và nhân viên thống kê phân xưởng. Dưới các trung tâm và cửa hàng có cửa hàng trưởng và nhân viên.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

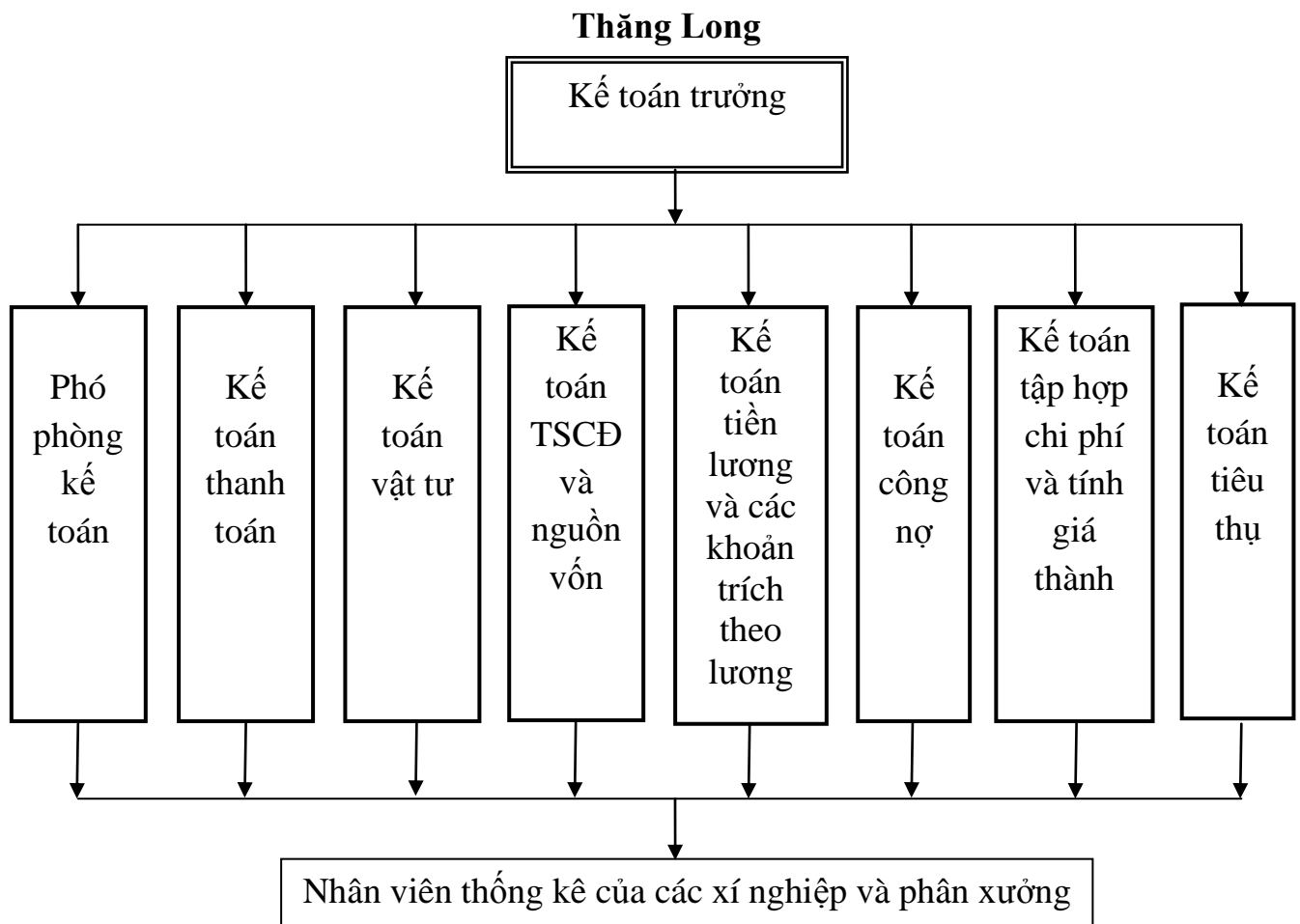
Xuất phát từ đặc điểm tổ chức quản lý sản xuất sao cho phù hợp với quy mô của doanh nghiệp cũng như trình độ của cán bộ quản lý và cán bộ kế toán, bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần May Thăng Long được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung.

Toàn bộ công việc kế toán đều được thực hiện trọn vẹn tại phòng Kế toán tài chính của Công ty, dưới xí nghiệp và các đơn vị trực thuộc không có các bộ máy kế toán riêng mà chỉ có các nhân viên hạch toán thống kê. Mọi số liệu sẽ được gửi lên phòng Kế toán Công ty để xử lý, trên cơ sở đó đưa ra các báo cáo cung cấp cho

Ban giám đốc và các cơ quan chức năng có liên quan, các bộ phận cần thông tin trong công ty.

Bộ máy kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.3 sau:

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần May



*** Chức năng nhiệm vụ của các nhân viên trong phòng kế toán như sau:**

Kế toán trưởng (trưởng phòng Kế toán tài chính): là người tổ chức điều hành mọi hoạt động trong phòng kế toán, chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Tổ chức thông tin và tư vấn cho ban quản trị doanh nghiệp các thông tin về tài chính.

Phó phòng kế toán kiêm kế toán tổng hợp: giúp việc cho trưởng phòng, thay mặt trưởng phòng giải quyết các công việc khi trưởng phòng đi vắng cùng chịu trách nhiệm với trưởng phòng các phần việc công; là người chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu từ các bộ phận kế toán và thực hiện công tác kế toán cuối kì.

Kế toán thanh toán: có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ gốc, viết phiếu thu chi trên cơ sở đó theo dõi các khoản thu chi bằng tiền phát sinh trong ngày, có nhiệm vụ giao dịch với ngân hàng thực hiện các khoản vay ngắn hạn và trung hạn.

Kế toán vật tư: có nhiệm vụ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp thẻ song song, cuối tháng kế toán vật tư tổng hợp số liệu, lập Bảng kê nhập xuất tồn và nộp báo cáo cho bộ phận kế toán tính giá thành. Khi có yêu cầu kế toán vật tư và các bộ phận chức năng khác tiến hành kiểm kê lại vật tư, đối chiếu với sổ kế toán, nếu có thiếu hụt sẽ tìm nguyên nhân và biện pháp xử lý, lập Biên bản kiểm kê.

Kế toán Tài sản cố định và nguồn vốn: chịu trách nhiệm phân loại, theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định của Công ty, tính khấu hao theo phương pháp tuyến tính; theo dõi các nguồn vốn và các quỹ của Công ty

Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương: có nhiệm vụ tính lương và các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên Công ty. Hàng tháng, căn cứ vào sản lượng của các xí nghiệp và đơn giá lương, hệ số lương, đồng thời nhận các bảng thanh toán lương do các nhân viên thống kê ở các xí nghiệp gửi lên, kế toán tổng hợp số liệu, lập Bảng tổng hợp thanh toán lương.

Kế toán công nợ: có nhiệm vụ theo dõi các khoản phải thu, phải trả của Công ty với người bán và người mua, đồng thời kế toán công nợ ghi Sổ chi tiết cho từng đối tượng.

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm: có trách nhiệm tập hợp chi phí sản xuất trong kỳ thông qua các báo cáo của các xí nghiệp gửi lên để từ đó tính giá thành sản phẩm của từng loại thành phẩm nhập kho

Kế toán tiêu thụ: có nhiệm vụ theo dõi tình hình nhập xuất kho thành phẩm.

Tại các xí nghiệp thành viên các nhân viên thông kê có nhiệm vụ theo dõi và lập các báo cáo gửi lên cho phòng kế toán. Về mặt quản lý nhân viên thống kê chịu sự quản lý của xí nghiệp, về mặt nghiệp vụ chuyên môn do kế toán trưởng hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra.

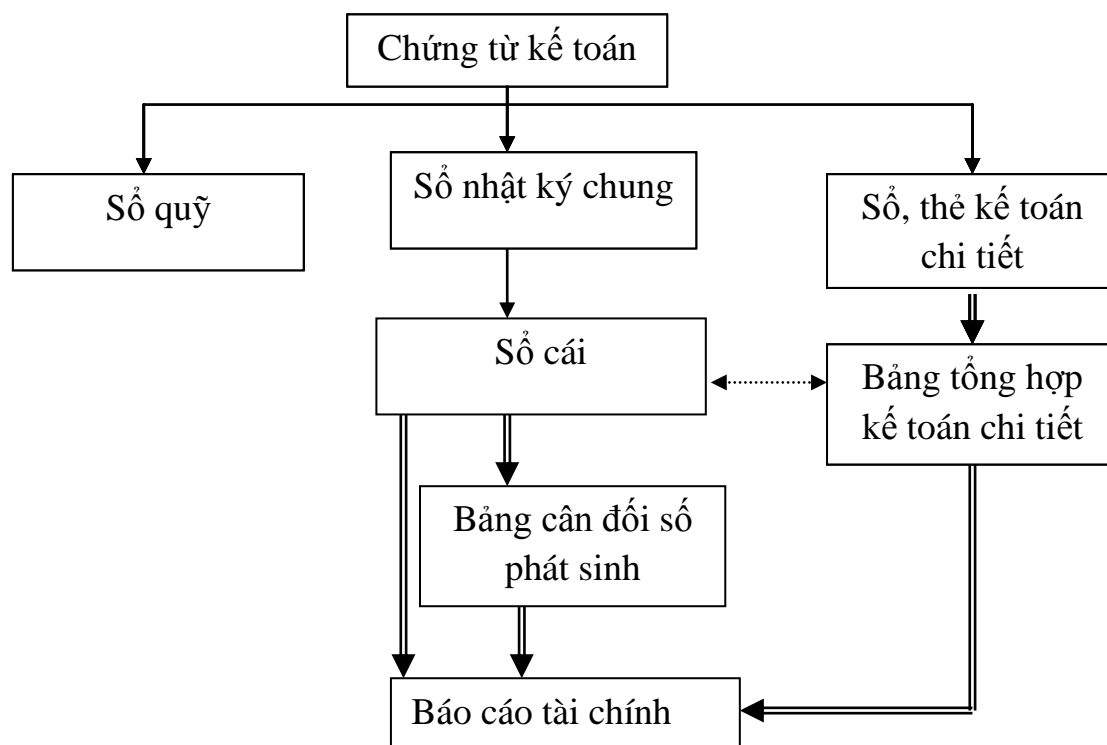
2.1.4.2 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại công ty

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán của Công ty áp dụng theo Quyết Định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ sách tại công ty

Công ty áp dụng hệ thống sổ sách theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần May Thăng Long



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết. Sau đó căn cứ vào đó để ghi vào sổ cái và sổ tổng hợp kế toán chi tiết theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống BCTC tại công ty

Hệ thống Báo cáo tài chính của công ty bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Bảng Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bảng thuyết minh BCTC.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Các sản phẩm mà công ty Cổ phần may Thăng Long sản xuất có chủng loại và mẫu mã rất phong phú và đa dạng như áo sơ mi các loại, quần áo dệt kim, quần áo bò, áo jacket... và các loại sản phẩm may da, thảm len, áo mưa... Trong những năm vừa qua, với phương châm đa dạng, kết hợp linh hoạt nhiều phương thức tiêu thụ, Công ty luôn cố gắng xây dựng cho mình một thị trường tiêu thụ rộng rãi. Sản phẩm của Công ty luôn được bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao. Đặc biệt là từ sau khi áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 và quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001, thương hiệu THALOGA đã trở thành một thương hiệu quen thuộc và chiếm được uy tín trên thị trường và lòng tin của cả khách hàng trong và ngoài nước.

Thành phẩm của Công ty chủ yếu là sản xuất và nhận gia công theo các đơn đặt hàng nên các loại thành phẩm này không cố định. Thành phẩm thường được theo dõi theo từng đơn đặt hàng, theo từng khách hàng đặt sản xuất, gia công và theo từng mã hàng cụ thể.

Hiện nay, Công ty có hai hình thức tiêu thụ là xuất khẩu ra nước ngoài và bán hàng nội địa. Vì vậy, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty chủ yếu bao gồm doanh thu hàng may gia công, doanh thu hàng may bán.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo Có

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngoài ra, có các TK liên quan: TK 111, TK 112, TK 131, TK 3331...

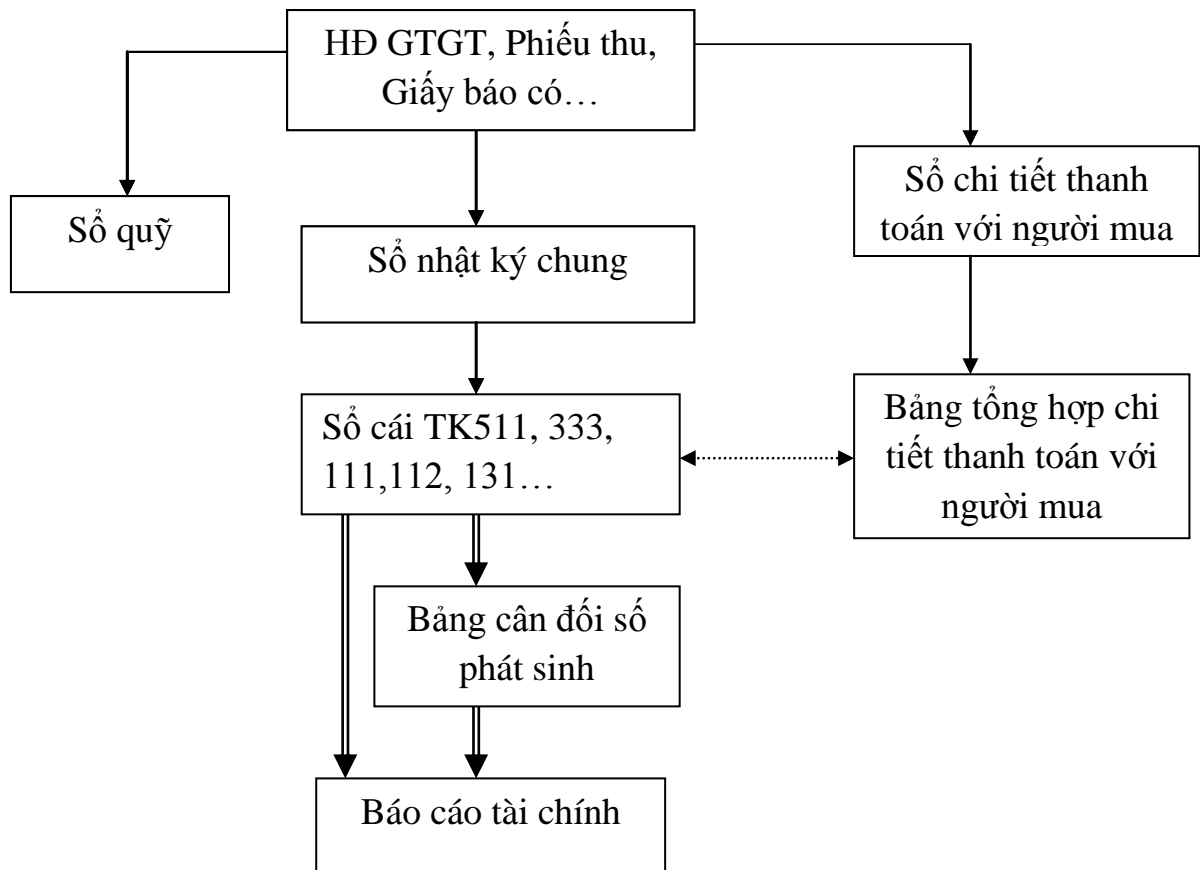
2.2.1.3. Trình tự hạch toán

Trước tiên phải có hợp đồng mua bán hàng hóa đã được ký kết, kế toán phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại thành phẩm có đúng quy định ghi trong hợp đồng hay không. Từ đó kế toán sẽ lập hóa đơn GTGT về bán thành phẩm (gồm 3 liên)

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái TK 511, TK 131 TK 111... và các sổ khác có liên quan.

Cuối năm kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.5: Trình tự hạch toán doanh thu tại Công ty Cổ phần May Thăng Long



2.2.1.3. Ví dụ

Ngày 17/09/2010 Công ty ký hợp đồng mua bán hàng hóa (Biểu số 2.1) cho Công ty may xuất khẩu Thành Công, mặt hàng là áo Jacket nữ LR21DCA số lượng là 1000 chiếc, đơn giá là 205.000đ/chiếc, thuế suất 10%. Theo như thoả thuận trong hợp đồng Công ty may xuất khẩu Thành Công phải trả trước 50% giá trị lô hàng và số còn lại được thanh toán vào kì sau. Đến ngày 8/10/2010 Công ty nhận được giấy báo Có (Biểu số 2.2) của ngân hàng về số tiền mà khách hàng trả trước. Ngày 23/10/2010 Công ty lập Hóa đơn số 0002728 (Biểu số 2.3), xuất hàng cho khách hàng và được khách hàng chấp nhận nhập kho.

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch

Bên A bán cho bên B:

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (chưa có VAT 10%)	Thành tiền
1.	Áo Jacket nữ LR21DCA	Chiếc	1000	205,000	205,000,000
	Cộng				205,000,000

Tổng giá trị bằng chữ: Hai trăm lẻ lăm triệu đồng chẵn./.

Điều 2: Giá cả

Đơn giá mặt hàng trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%

.....

Điều 7: Phương thức thanh toán

Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức chuyển khoản, phải trả trước 50% giá trị lô hàng và số còn lại được thanh toán vào kì sau.

.....

Điều 11: Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực đến ngày 30/10/2010. Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày. Bên A có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian địa điểm thanh lý.

Hợp đồng này được làm thành 2 bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 1 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Chức vụ

Chức vụ

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Biểu số 2.2: Mẫu Giấy báo Có

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM		GIẤY BÁO CÓ Ngày 08 tháng 10 năm 2010	
Số chứng từ: Số chuyển tiền: Số giao dịch:		TK ghi Nợ: TK 11211	
<p>Người trả tiền: Công ty may xuất khẩu Thành Công</p> <p>Số tài khoản: 10082370010002</p> <p>Địa chỉ: 110A Đường Yên Phụ, Hà Nội</p> <p>Người hưởng: Công ty Cổ phần May Thăng Long</p> <p>Số tài khoản: 112010001026431</p> <p>Địa chỉ: 250 Minh Khai- Hà Nội</p> <p>Số tiền: 112,750,000 VNĐ</p> <p>Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu bảy trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn.</p> <p>Nội dung: Trả trước 50% tiền hàng</p>			
Giao dịch viên (Ký, họ tên)	Liên 2	Phòng nghiệp vụ (Ký, họ tên)	

Biểu số 2.3: Mẫu hóa đơn giá trị gia tăng

<p>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Lưu nội bộ Ngày 23 tháng 10 năm 2010</p>					Mẫu số: 01 GTKT-3LL AB/2010B 0002728
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần May Thăng Long Địa chỉ: 250 Minh Khai, Hà Nội Số tài khoản: 112010001026431 Điện thoại: MS: 0101473411					
Họ tên người mua: Tên đơn vị: Công ty may XK Thành Công Địa chỉ: 110A Đường Yên Phụ, Hà Nội Số tài khoản: 10082370010002 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản MS: 010010769					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=2*1
1.	Áo Jacket nữ LR21DCA	Chiếc	1000	205,000	205,000,000
Cộng tiền hàng:					205,000,000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					20,500,000
Tổng cộng tiền thanh toán:					225,500,000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu lăm trăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu số 2.4:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
8/10	GBC132	8/10	Cty Thành Công ứng trước tiền hàng	112	112,750,000	
8/10	GBC132	8/10	Cty Thành Công ứng trước tiền hàng	131		112,750,000
9/10	PC08/10	9/10	Chi tạm ứng đi công tác	141	5,000,000	
9/10	PC08/10	9/10	Chi tạm ứng đi công tác	111		5,000,000
					
23/10	HĐ0002728	23/10	Bán quần áo cho Cty Thành Công	131	225,500,000	
23/10	HĐ0002728	23/10	Bán quần áo cho Cty Thành Công	511		205,000,000
23/10	HĐ0002728	23/10	Thuế GTGT đầu ra	3331		20,500,000
24/10	HĐ0002730	24/10	Cty TNHH may thuê XK Thịnh Phát	131	122,738,000	
24/10	HĐ0002730	24/10	Cty TNHH may thuê XK Thịnh Phát	511		111,580,000
24/10	HĐ0002730	24/10	Thuế GTGT đầu ra	3331		11,158,000
					
31/10	PKT66	31/10	Khấu trừ thuế GTGT đầu vào T10	3331	157,457,504	
31/10	PKT66	31/10	Khấu trừ thuế GTGT đầu vào T10	133		157,457,504
.....		
			Cộng		1,054,902,454,200	1,054,902,454,200

Biểu số 2.5:

SỔ CÁI

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		
20/10	HĐ0002715	20/10	Cty TNHH SX&TM Trung Định	131		118,958,112
20/10	HĐ0002716	20/10	Cty TNHH Kwintet	131		259,573,961
.....		
23/10	HĐ0002728	23/10	Công ty May XK Thành Công	131		205,000,000
24/10	HĐ0002730	24/10	Cty TNHH may thuê XK Thịnh Phát	131		111,580,000
					
1/11	HĐ0002743	1/11	Cty CP dệt Nam Định	131		96,215,000
6/12	HĐ0002779	6/12	Cty CP May XK Hà Bắc	131		142,685,000
		
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển doanh thu quý 4		12,591,894,931	
			Cộng phát sinh		31,497,737,324	31,497,737,324

Biểu số 2.6:

SỔ CÁI

TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			4,109,509,524
		
20/10	HĐ0002715	20/10	Thuế GTGT đầu ra	131		11,895,811
20/10	HĐ0002716	20/10	Thuế GTGT đầu ra	131		25,957,396
.....					
23/10	HĐ0002728	23/10	Thuế GTGT đầu ra	131		20,500,000
24/10	HĐ0002730	24/10	Thuế GTGT đầu ra	131		11,158,000
					
31/10	PKT66	31/10	Khấu trừ thuế GTGT T10	133	157,457,504	
1/11	HĐ0002743	1/11	Thuế GTGT đầu ra	131		9,621,500
					
6/12	HĐ0002779	6/12	Thuế GTGT đầu ra	131		14,268,500
		
			Cộng phát sinh		5,837,580,808	4,781,812,094
			Dư cuối kỳ			3,053,740,810

Biểu số 2.7:

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty May XK Thành Công

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
8/10	GBC132	8/10	Ứng trước tiền hàng theo HĐ102/2009	112		112,750,000
23/10	HĐ0002728	23/10	Bán áo Jacket	511	205,000,000	
23/10	HĐ0002728	23/10	Bán áo Jacket	3331	20,500,000	
					
3/11	HĐ0002746	3/11	Bán quần Jeans	511	310,000,000	
3/11	HĐ0002746	3/11	Bán quần Jeans	3331	31,000,000	
					
31/11	GBC145	31/11	TT tiền hàng theo HĐ0002728	112		112,750,000
5/12	PT18/12	5/12	TT tiền hàng theo HĐ0002746	111		100,000,000
					
			Cộng phát sinh		2,943,711,579	2,346,306,718
			Dư cuối kỳ			597,404,861

Biểu số 2.8:

SỔ CÁI

TK 131 – Phải thu khách hàng

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		29,954,173,014	
8/10	GBC132	8/10	Ứng trước tiền hàng theo HĐ102/2009	112		112,750,000
					
20/10	HĐ0002715	20/10	Cty TNHH SX&TM Trung Định	511	118,958,112	
20/10	HĐ0002715	20/10	Thuế GTGT đầu ra	3331	11,895,811	
20/10	HĐ0002716	20/10	Cty TNHH Kwintet	511	259,573,961	
20/10	HĐ0002716	20/10	Thuế GTGT đầu ra	3331	25,957,396	
23/10	HĐ0002728	23/10	Cty Thành Công	511	205,000,000	
23/10	HĐ0002728	23/10	Thuế GTGT đầu ra	3331	20,500,000	
					
31/11	GBC145	31/11	TT tiền hàng theo HĐ0002728	112		112,750,000
					
5/12	PT18/12	5/12	TT tiền hàng theo HĐ0002746	111		100,000,000
					
			Cộng phát sinh		51,252,274,494	61,592,961,761
			Dư cuối kỳ		19,613,485,747	

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán của công ty chính là giá trị xuất kho của hàng nhập gia công và hàng nội địa xuất bán. Tại công ty Cổ phần May Thăng Long giá vốn hàng xuất kho tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT

Phiếu xuất kho

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Ngoài ra, có các tài khoản liên quan: TK154, TK155, TK156, TK 157...

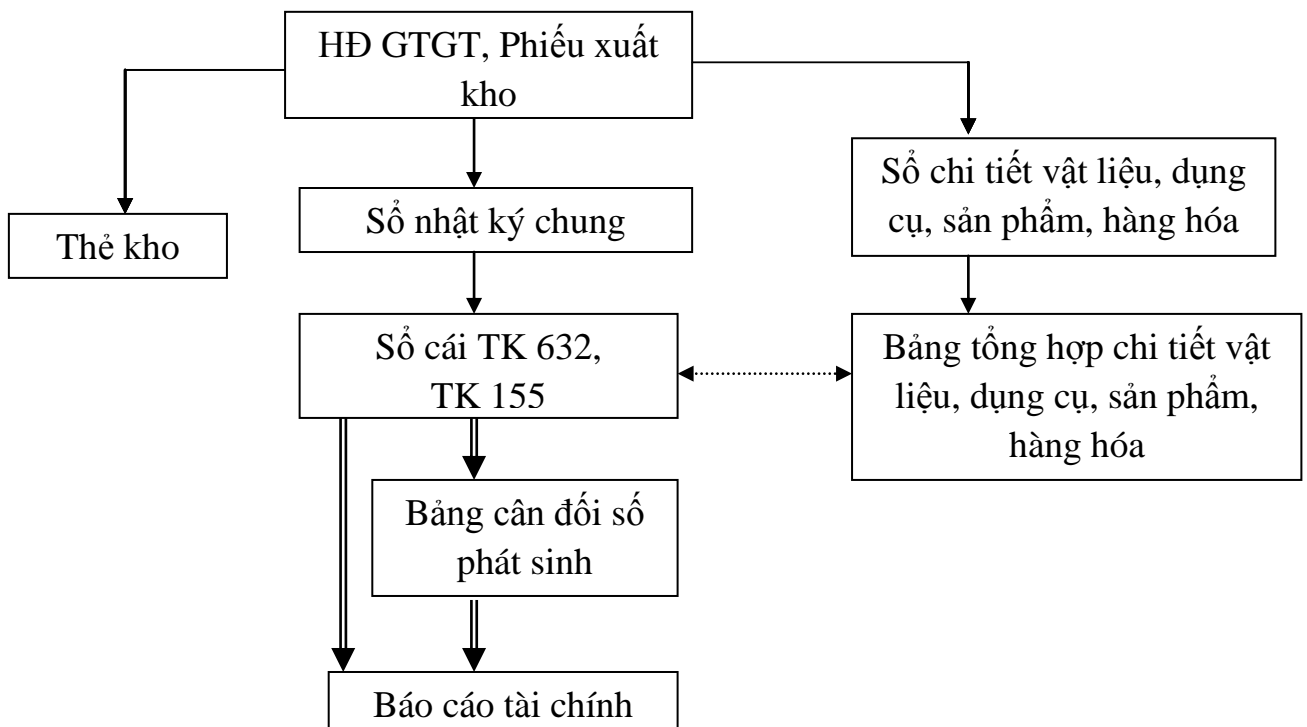
2.2.2.3. Trình tự hạch toán

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, kế toán lập Phiếu xuất kho, chuyển cho Thủ kho, Thủ kho tiến hành xuất hàng, lập Thẻ kho.

Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu xuất kho, kế toán vào Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 632, Sổ cái TK 155 và các sổ có liên quan.

Cuối năm kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh, Kế toán lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.6: Trình tự hạch toán Giá vốn tại Công ty Cổ phần May Thăng Long



2.2.2.4. Ví dụ

Căn cứ vào hợp đồng mua bán (Biểu số 2.1) và Hóa đơn GTGT số 0002728 (Biểu số 2.3), Kế toán lập Phiếu xuất kho (Biểu số 2.9) chuyển cho Thủ kho, Thủ kho tiến hành xuất hàng, lập Thẻ kho (Biểu số 2.10).

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh, Kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.11), đồng thời ghi Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.12).

Biểu số 2.9: Mẫu phiếu xuất kho

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THĂNG LONG

Mẫu số 02 – VT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/0/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 23 tháng 10 năm 2010

Nợ: 632

Số: 38/10

Có: 155

- Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Bình Minh
- Lý do xuất kho: Xuất bán
- Xuất tại kho: Thành phẩm nội địa

STT	Tên vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Áo Jacket nữ LR21DCA	Chiếc	1000	190,090	190,090,000
	Cộng		1000		190,090,000

Người lập phiếu (Ký, họ tên)
 Người nhận hàng (Ký, họ tên)
 Thủ kho (Ký, họ tên)
 Kế toán trưởng (Ký, họ tên)
 Giám đốc (Ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Mẫu Thẻ kho

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THĂNG LONG

Mẫu số 02 – VT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/0/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO
Kho thành phẩm nội địa

- Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Áo Jacket nữ
- Đơn vị tính: Chiếc
- Mã số: LR21DCA

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	NT nhập xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu kỳ				215	
							
15/10	PN29/10		Nhập kho từ XNI	15/10	1,300		1515	
23/10		PX38/10	Xuất bán	23/10		1000	515	
							
24/11		PX17/11	Xuất bán	24/11		300	775	
							
			Cộng		16,015	15,400	830	

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
9/10	PC08/10	9/10	Chi tạm ứng đi công tác	141	5,000,000	
9/10	PC08/10	9/10	Chi tạm ứng đi công tác	111		5,000,000
					
23/10	HĐ0002728	23/10	Bán quần áo cho Cty Thành Công	131	225,500,000	
23/10	HĐ0002728	23/10	Bán quần áo cho Cty Thành Công	511		205,000,000
23/10	HĐ0002728	23/10	Bán quần áo cho Cty Thành Công	3331		20,500,000
23/10	PXK38/10	23/10	Giá vốn áo Jacket	632	190,090,000	
23/10	PXK38/10	23/10	Giá vốn áo Jacket	155		190,090,000
					
6/11	PXK18/11	6/11	Xí nghiệp I lấy bao bì	641	2,743,000	
6/11	PXK18/11	6/11	Xí nghiệp I lấy bao bì	153		2,743,000
.....		
31/12	BPBKH T12	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	642	10,975,495	
31/12	BPBKH T12	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	214		10,975,495
					
			Cộng		1,054,902,454,200	1,054,902,454,200

Biểu số 2.12:

SỔ CÁI

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
20/10	PXK33/10	20/10	Giá vốn quần âu – Cty Trung Định	155	96,825,104	
20/10	PXK34/10	20/10	Giá vốn áo sơ mi - Cty Kwintet	155	238,167,274	
					
22/10	PXK37/10	22/10	Giá vốn T-shirt – Cty Huy Hoàng	155		
23/10	PXK38/10	23/10	Giá vốn áo Jacket – Cty Thành Công	155	190,090,000	
24/10	PXK40/10	24/10	Giá vốn quần Jeans – Cty Thịnh Phát	155	176,598,535	
					
1/11	PXK1/11	1/11	Giá vốn áo dệt kim – Cty Minh trí	155	29,735,837	
1/11	PXK2/11	1/11	Giá vốn áo bò nữ – Cty Dệt Nam Định	155	88,937,140	
					
6/12	PXK5/12	6/12	Giá vốn áo dạ - Cty Hà Bắc	155	126,725,107	
					
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển giá vốn quý 4	911		8,790,987,072
			Cộng phát sinh		21,977,467,689	21,977,467,689

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

CPBH của công ty bao gồm: chi hoa hồng cho các đại lý, chi phí vận chuyển, chi phí bao bì, lương nhân viên bán hàng, chi phí KHTSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

CPQLDN của công ty bao gồm: lương nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng văn phòng, chi phí KHTSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Bảng phân bổ khấu hao
- Bảng chấm công, bảng thanh toán lương
- Các phiếu chi, Giấy báo Nợ,

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

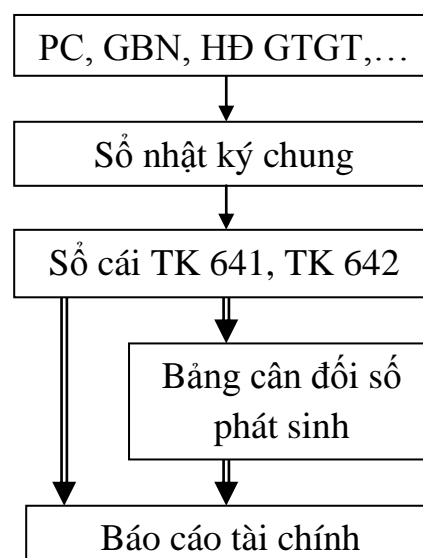
TK 641 – Chi phí bán hàng

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.3. Trình tự hạch toán

Căn cứ vào chứng từ gốc liên quan để tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung, từ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 641, Sổ cái TK 642 và các sổ sách có liên quan. Cuối kỳ kế toán tập hợp chi phí và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ 2.7: Trình tự hạch toán CPBH và CPQLDN tại Công ty Cổ phần May Thăng Long



2.2.3.4. Ví dụ

+ Ngày 10/10, công ty trả tiền hoa hồng đại lý cho công ty Hồng Hà, số tiền là 12,800,000 chưa có VAT 10%.

Kế toán lập Phiếu chi (gồm 3 liên) (Biểu 2.13), chuyển cho thủ quỹ để thủ quỹ xuất tiền và ghi Sổ quỹ.

Căn cứ vào chứng từ phát sinh, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.15), Sổ cái 641 (Biểu 2.16).

+ Ngày 12/10, phòng kỹ thuật lĩnh phần may

Kế toán lập phiếu xuất kho (Biểu 2.14), chuyển cho thủ kho, thủ kho xuất hàng

Căn cứ vào chứng từ phát sinh, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.15), Sổ cái 642 (Biểu 2.17).

Biểu số 2.13: Mẫu Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THĂNG LONG

Mẫu số: 02-TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI số: 20/10

Ngày 10 tháng 10 năm 2010

Nợ: 641,133

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: *Trần thị Hà*

Địa chỉ: Công ty Hồng Hà

Lý do chi: Chi hoa hồng đại lý

Số tiền: 14,080,000 (**viết bằng chữ**): Mười bốn triệu tám mươi nghìn đồng chẵn

Chứng từ kèm theo: **chứng từ gốc**

Ngày 10 tháng 10 năm 1010

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người nộp tiền

(ký, họ tên)

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Mẫu phiếu xuất kho

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THĂNG LONG

Mẫu số 02 – VT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 10 năm 2010

Nợ: 642

Số: 21/10

Có: 152

- Họ tên người nhận: Trần Thị Thủy
- Lý do xuất kho: Xuất cho phòng kỹ thuật
- Xuất tại kho:

STT	Tên vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Phấn may	Hộp	1	75,000	75,000
	Cộng		1		75,000

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
6/10	PXK18/10	6/10	Xí nghiệp I lấy bao bì	641	2,743,000	
6/10	PXK18/10	6/10	Xí nghiệp I lấy bao bì	153		2,743,000
					
10/10	PC 20/10	10/10	Trả tiền hoa hồng cho cty Hồng Hà	641	12,800,000	
10/10	PC 20/10	10/10	Trả tiền hoa hồng cho cty Hồng Hà	133	1,280,000	
10/10	PC 20/10	10/10	Trả tiền hoa hồng cho cty Hồng Hà	111		14,080,000
					
12/10	PXK21/10	12/10	Xuất phần may cho phòng kỹ thuật	642	75,000	
12/10	PXK21/10	12/10	Xuất phần may cho phòng kỹ thuật	152		75,000
					
15/10	PC 23/10	15/10	Cước viễn thông tháng 9	642	119,821	
15/10	PC 23/10	15/10	Thuế GTGT được khấu trừ	133	11,982	
15/10	PC 23/10	15/10	TT tiền cước viễn thông tháng 9	111		131,803
.....		
			Cộng		1,054,902,454,200	1,054,902,454,200

Biểu số 2.16:

SỔ CÁI

TK 641 – Chi phí bán hàng

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
6/10	PXK18/10	6/10	Xí nghiệp I lấy bao bì	153	2,743,000	
8/10	PXK20/10	8/10	Xí nghiệp II lấy bao bì	153	13,910,000	
					
10/10	PC 20/10	10/10	Trả tiền hoa hồng cho cty Hồng Hà	111	12,800,000	
12/10	PXK22/10	12/10	Xí nghiệp III lấy bao bì	153	3,160,000	
					
31/10	BLT10	31/10	Tính lương cho nhân viên BH	334	27,347,000	
31/10	BLT10	31/10	Tính các khoản trích theo lương	338	2,324,495	
31/10	BPBKH T10	31/10	Khấu hao TSCĐ T10	214	10,975,495	
					
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển CPBH quý 4	911		978,451,177
			Cộng phát sinh		2,446,127,942	2,446,127,942

Biểu số 2.17:

SỔ CÁI

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2010

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
9/10	PC19/10	9/10	Mua văn phòng phẩm: bút, A4, ghim...	111	196,000	
					
12/10	PXK21/10	12/10	Xuất phần may cho phòng kỹ thuật	152	75,000	
15/10	PC 23/10	15/10	Cước viên thông T9	111	119,821	
					
20/10	PXK25/10	20/10	Xuất vải dệt kim cho phòng KT	152	1,443,666	
					
31/10	BLT10	31/10	Tính lương cho nhân viên BH	334	87,467,000	
31/10	BLT10	31/10	Tính các khoản trích theo lương	338	7,434,695	
31/10	BPBKH T10	31/10	Khấu hao TSCĐ T10	214	142,713,111	
					
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển CPQLDN quý 4	911		2,244,663,234
			Cộng phát sinh		8,978,652,935	8,978,652,935

2.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty Cổ phần May Thăng Long bao gồm các khoản lãi từ đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn, đầu tư vào công ty liên kết và một phần nhỏ tiền lãi từ các khoản tiền gửi Ngân hàng.

Năm 2010, công ty mở rộng quy mô sản xuất và đầu tư vào cơ sở hạ tầng, công ty cần huy động một lượng tiền lớn. Vì vậy, chi phí tài chính của công ty chiếm quá một nửa là chi phí lãi vay.

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo lãi
- Phiếu chi...

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

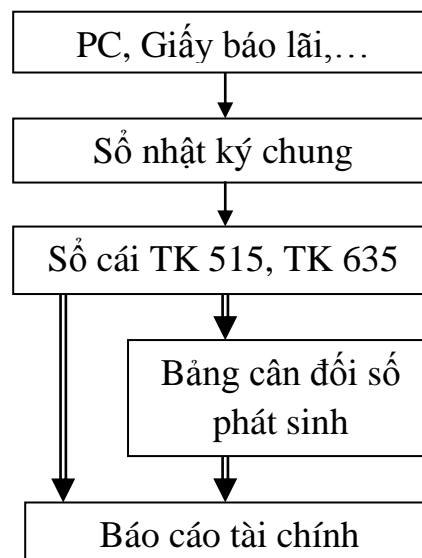
+ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

+ TK 635 – Chi phí tài chính

2.2.4.2. Trình tự hạch toán

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán có liên quan để ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 515 và sổ cái TK 635.

Sơ đồ 2.8: Trình tự hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần May Thăng Long



2.2.4.3. Ví dụ

Ngày 25/10/2010, Công ty nhận được thông báo của Ngân hàng Thương mại Á Châu về một khoản tiền lãi tiền gửi Ngân hàng là 130,260. Số tiền trên được chuyển vào số tiền gửi của công ty tại Ngân hàng.

Ngày 31/10/2010, Công ty nhận được thông báo phải trả tiền lãi vay của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, số tiền 4,467,867

Căn cứ vào Giấy báo Có của Ngân hàng Thương mại Á Châu (Biểu số 2.18), Phiếu chi (Biểu số 2.19), kế toán vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.20), Sổ cái 515 (Biểu số 2.21), Sổ cái 635 (Biểu số 2.22)

Biểu số 2.18: Mẫu Giấy báo Có

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

Mã GDV: BATCH

MKH: 10366

GIẤY BÁO CÓ

Số: 92

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Kính gửi: Công ty Cổ phần May Thăng Long

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số TK ghi Có:

Số tiền bằng số: 130,260

Số tiền bằng chữ: [+] Một trăm ba mươi nghìn hai trăm sáu mươi đồng

Nội dung: ## Lãi nhập vốn ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.19: Mẫu Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THĂNG LONG

Mẫu số: 02-TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI số: 24/10

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Nợ: 635

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Chị Sâm

Địa chỉ:

Lý do chi: Trả tiền lãi vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Số tiền: 4,467,867 (**viết bằng chữ**): Bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng

Chứng từ kèm theo: **chứng từ gốc**

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người nộp tiền

(ký, họ tên)

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

Biểu số 2.20:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
25/10	GBC92	25/10	Lãi nhập vốn – NH TM Á Châu	112	130,260	
25/10	GBC92	25/10	Lãi nhập vốn – NH TM Á Châu	515		130,260
31/10	PC24/10	31/10	Trả lãi vay NH SGTT	635	4,467,867	
31/10	PC24/10	31/10	Trả lãi vay NH SGTT	111		4,467,867
					
7/11	GBN84	7/11	TT tiền hàng T8, HĐ10984-Cty Dệt Mùa đông	331	65,470,000	
7/11	GBN84	7/11	TT tiền hàng T8, HĐ10984-Cty Dệt Mùa đông	112		65,470,000
					
15/12	PC 23/12	15/12	Cước viễn thông	642	119,821	
15/12	PC 23/12	15/12	Thuế GTGT được khấu trừ	133	11,982	
15/12	PC 23/12	15/12	TT tiền cước viễn thông	111		131,803
.....		
			Cộng		1,054,902,454,200	1,054,902,454,200

Biểu số 2.21:

SỔ CÁI

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
1/10	PT1/10	1/10	Lãi định kỳ trái phiếu, tín phiếu	111		1,842,300
					
25/10	GBC92	25/10	Lãi nhập vốn – NH TM Á Châu	112		130,260
31/10	GBC95	31/10	Lãi nhập vốn – NH ĐT&PT VN	112		215,947
31/10	GBC96	31/10	Lãi nhập vốn – NH Dầu khí	112		13,656
					
30/11	GBC108	30/11	Lãi nhập vốn – NH Ngoại thương	112		497,536
30/11	GBC109	30/11	Lãi nhập vốn – NH Indovina	112		50,165
30/11	GBC110	30/11	Lãi nhập vốn – NH Công thương	112		288,860
					
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	911	1,568,652,640	
			Cộng phát sinh		6,274,610,558	6,274,610,558

Biểu số 2.22:

SỔ CÁI

TK 635 – Chi phí tài chính

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
31/10	PC23/10	31/10	Trả lãi vay NH Quân đội	111	5,068,329	
31/10	PC24/10	31/10	Trả lãi vay NH SGTT	111	4,467,867	
					
31/11	PC17/11	31/11	Trả lãi vay NH Quân đội	111	5,068,329	
31/11	PC18/11	31/11	Trả lãi vay NH SGTT	111	4,467,867	
					
19/12	PC14/12	19/9	Chi môi giới bán trái phiếu	111	238,000	
					
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911		546,123,719
			Cộng phát sinh		2,184,494,875	2,184,494,875

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

2.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ...
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Có, Giấy báo Nợ...

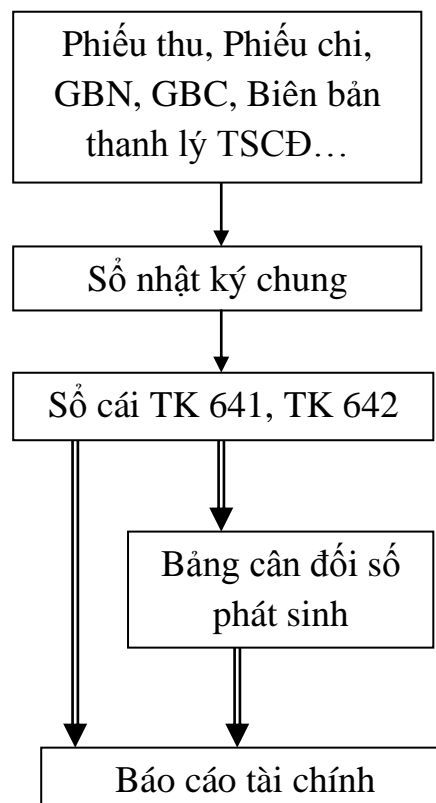
2.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- + TK 711 – Thu nhập khác
- + TK811 – Chi phí khác

2.2.5.3. Trình tự hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ phát sinh kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào Sổ cái TK 711, TK 811

Sơ đồ 2.9: Trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty Cổ phần May Thăng Long



2.2.5.4. Ví dụ

Ngày 20/10/2010, Công ty nhượng bán ô tô tải

Căn cứ vào Biên bản thanh lý TSCĐ (Biểu số 2.23), Giấy báo Có (Biểu số 2.23), kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.25), Sổ cái 711(Biểu số 2.26), Sổ Cái 811(Biểu số 2.27).

Biểu số 2.23: Biên bản thanh lý TSCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THĂNG LONG

Mẫu số 02 – TSCĐ

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Số: 7

Căn cứ Quyết định số: 84 ngày 18 tháng 10 năm 2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Về việc thanh lý TSCĐ

I – Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông/Bà: Đặng Xuân Trường – Trưởng ban

Ông/Bà: Phan Thị Song Hoài - Ủy viên

Ông/Bà: Nguyễn Thị Thanh Giang - Ủy viên

II – Tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên TSCĐ: Ô tô tải
- Số hiệu TSCĐ: 37090000001
- Nước sản xuất (xây dựng): Việt Nam
- Năm đưa vào sử dụng: 2007 Số thẻ TSCĐ: 59
- Nguyên giá TSCĐ: 737,759,048
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 545,443,089
- Giá trị còn lại của TSCĐ :192,315,959

III – Kết luận của ban thanh lý

TSCĐ vẫn sử dụng tốt

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Trưởng ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV – Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ: không (viết bằng chữ).....
- Giá trị thu hồi: 300,000,000 (viết bằng chữ) Ba trăm triệu đồng (chưa có VAT)
- Đã ghi giảm TSCĐ ngày 10 tháng 11 năm 2010

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 78

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Giá trị còn lại của ô tô	811	211	192,315,959
2	Giá hao mòn của ô tô	214	211	545,443,089
	Tổng cộng			737,759,048

NGƯỜI LẬP

Biểu số 2.24: Mẫu Giấy báo Có

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU

Mã GDV: BATCH

MKH: 10366

GIẤY BÁO CÓ

Số: 91

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Kính gửi: Công ty Cổ phần May Thăng Long

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số TK ghi Có:

Số tiền bằng số: 330,000,000

Số tiền bằng chữ: [+] Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn

Nội dung: ## Thu tiền hàng ##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.25:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
12/8	PC23/8	12/8	Truy nộp thuế	333	30,000	
12/8	PC23/8	12/8	Truy nộp thuế	111		30,000
					
20/10	GBC91	20/10	Thu từ thanh lý ô tô tải	111	330,000,000	
20/10	GBC91	20/10	Thu từ thanh lý ô tô tải	711		300,000,000
20/10	GBC91	20/10	Thuế GTGT đầu ra	3331		30,000,000
20/10	PKT78	20/10	Giá trị còn lại của ô tô tải	811	192,315,959	
20/10	PKT78	20/10	Giá trị hao mòn lũy kế ô tô tải	214	545,443,089	
20/10	PKT78	20/10	Nguyên giá ô tô tải	211		737,759,048
					
30/10	PKT79	30/10	Khấu trừ thuế GTGT đầu vào	3331	36,854,938	
30/10	PKT79	30/10	Khấu trừ thuế GTGT đầu vào	133		36,854,938
.....		
			Cộng		1,054,902,454,200	1,054,902,454,200

Biểu số 2.26:

SỔ CÁI

TK 711 – Thu nhập khác

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
6/2	PT08/2	6/2	Thu từ thanh lý máy may 2 kim cố định	111	28,300,000	
					
29/7	PT28/7	29/7	Thu từ thanh lý máy tính, bộ lưu điện	111	5,790,000	
					
20/10	GBC91	20/10	Thu từ thanh lý ô tô tải	111		300,000,000
					
14/12	PT22/12	14/12	Thu từ thanh lý máy dán túi tự động	112		160,800,000
					
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển thu nhập khác quý 4	911	728,719,589	
			Cộng phát sinh		2,186,159,876	2,186,159,876

Biểu số 2.27:

SỔ CÁI

TK 811 – Chi phí khác

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
6/2	PKT08	6/2	Giá trị còn lại của máy may 2 kim cố định	211	20,019,061	
					
12/4	PC23/4	12/4	Truy nộp thuế	333	30,000	
					
29/7	PC26/7	29/7	Chi cho thanh lý máy tính, bộ lưu điện	111	1,334,000	
					
20/10	PKT78	20/10	Giá trị còn lại của ô tô tải	211	192,315,959	
					
14/12	PKT80	14/12	Giá trị còn lại của máy dán túi tự động	211	142,142,011	
					
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển chi phí khác quý 4	911		247,314,870
			Cộng phát sinh		741,944,609	741,944,609

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1. Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

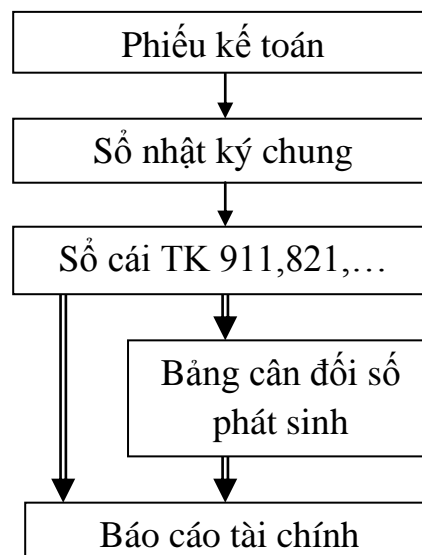
Ngoài ra, công ty còn sử dụng các TK 821, 421, 3334

2.2.6.3. Trình tự hạch toán

Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán lập các Phiếu kế toán, sau đó tiến hành vào Sổ Nhật ký chung, từ Nhật ký chung vào Sổ cái các TK 911, 821, 421, 3334

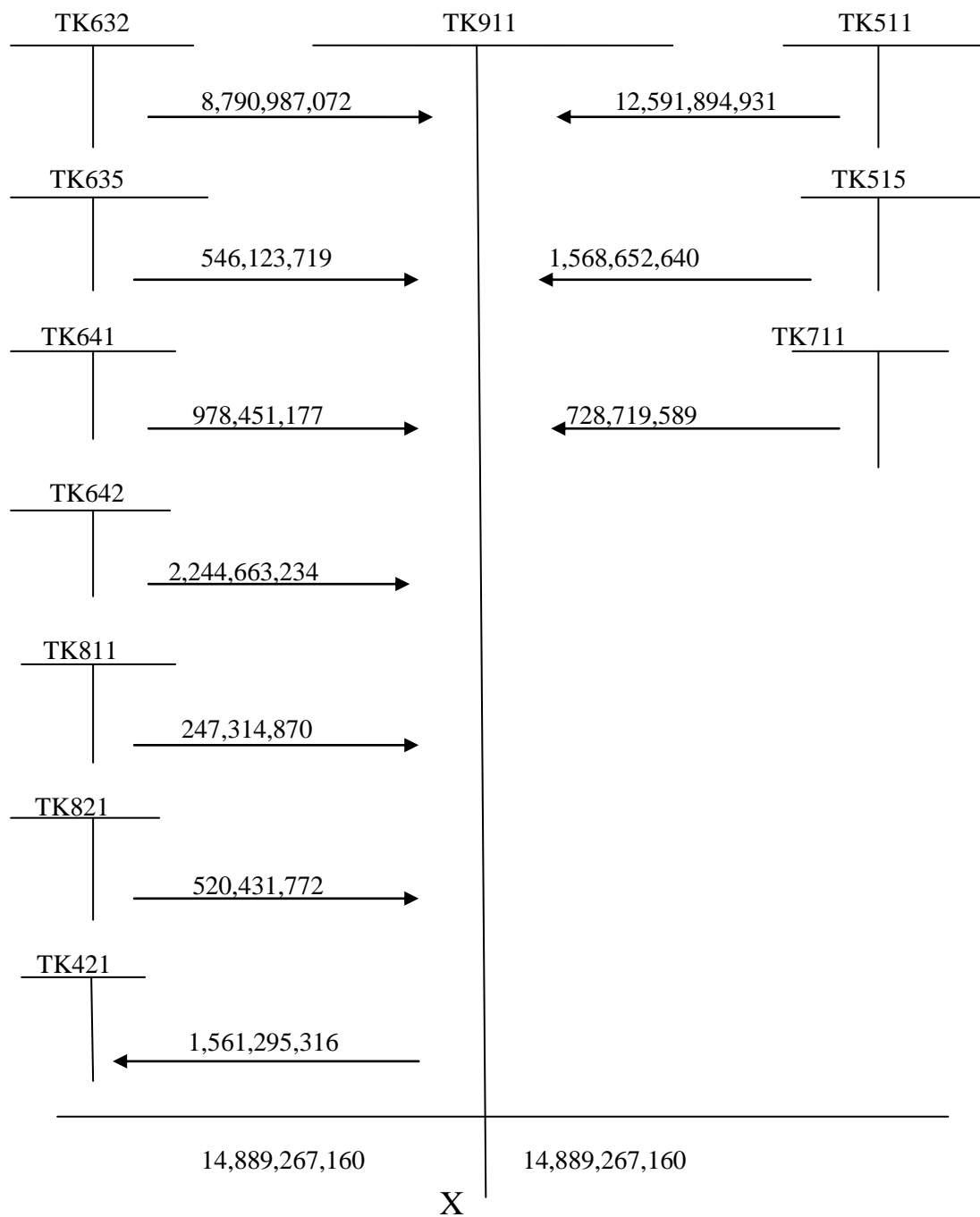
Sơ đồ 2.7: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long



2.2.6.4. Ví dụ

Cuối tháng 12, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý 4.

Kết quả kinh doanh của công ty Cổ Phần May Thăng Long được thể hiện qua sơ đồ chữ T của TK 911 như sau:



Dựa vào các kết quả tính được kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển doanh thu và chi phí để làm căn cứ ghi sổ.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, kế toán vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.28), từ Nhật ký chung vào Sổ cái 911(Biểu số 2.29), Sổ cái 821(Biểu số 2.30), Sổ cái 421(Biểu số 2.31)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 82

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu thuần quý 4	511	911	12,591,894,931
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515	911	1,568,652,640
3	Kết chuyển thu nhập khác quý 4	711	911	728,719,589
	Tổng cộng			14,889,267,160

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 83

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý 4	911	632	8,790,987,072
2	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911	635	546,123,719
3	Kết chuyển CPBH quý 4	911	641	978,451,177
4	Kết chuyển CPQLDN quý 4	911	642	2,244,663,234
5	Kết chuyển chi phí khác quý 4	911	811	247,314,870
	Tổng cộng			12,807,540,072

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 84

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN phải nộp quý 4	821	3334	520,431,772
	Tổng cộng			520,431,772

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 85

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý 4	911	821	520,431,772
	Tổng cộng			520,431,772

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 86

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối quý 4	911	421	1,561,295,316
	Tổng cộng			1,561,295,316

NGƯỜI LẬP

Biểu số 2.28:

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
.....
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần quý 4	511	911	12,591,894,931	12,591,894,931
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515	911	1,568,652,640	1,568,652,640
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển doanh thu khác quý 4	711	911	728,719,589	728,719,589
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển giá vốn quý 4	911	632	8,790,987,072	8,790,987,072
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911	635	546,123,719	546,123,719
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển CPBH quý 4	911	641	978,451,177	978,451,177
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển CPQLDN quý 4	911	642	2,244,663,234	2,244,663,234
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí khác quý 4	911	811	247,314,870	247,314,870
31/12	PKT 84	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp quý 4	821	3334	520,431,772	520,431,772
31/12	PKT 85	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp quý 4	911	821	520,431,772	520,431,772
31/12	PKT 86	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối quý 4	911	421	1,561,295,316	1,561,295,316
			Cộng			1,054,902,454,200	1,054,902,454,200

Biểu số 2.29:

SỔ CÁI

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần quý 4	511		12,591,894,931
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4	515		1,568,652,640
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển doanh thu khác quý 4	711		728,719,589
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển giá vốn quý 4	632	8,790,987,072	
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	635	546,123,719	
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển CPBH quý 4	641	978,451,177	
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển CPQLDN quý 4	642	2,244,663,234	
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí khác quý 4	811	247,314,870	
31/12	PKT 85	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp quý 4	821	520,431,772	
31/12	PKT 86	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối quý 4	421	1,561,295,316	
			Cộng phát sinh quý 4		14,889,267,160	14,889,267,160

Biểu số 2.30:

SỔ CÁI

TK 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12	PKT84	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp quý 4	3334	520,431,772	
31/12	PKT85	31/12	Kết chuyển thuế TNDN quý 4	911		520,431,772
			Cộng phát sinh quý 4		520,431,772	520,431,772

Biểu số 2.31:

SỔ CÁI

TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			1,270,145,562
31/12	PKT86	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối quý 4	911		1,561,295,316
			Cộng phát sinh quý 4			1,561,295,316
			Số dư cuối kỳ			2,831,440,878

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THĂNG LONG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long.

Qua gần 50 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần may Thăng Long đã đúc kết được rất nhiều kinh nghiệm quý báu cho hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm may mặc. Có thể nói, cho đến nay Công ty đã tìm được một hướng đi đúng đắn cho riêng mình và đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của ngành dệt may nước ta. Những năm vừa qua, Công ty đã sản xuất được rất nhiều chủng loại sản phẩm có chất lượng tốt, mẫu mã phong phú, sản lượng sản phẩm xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng sản phẩm sản xuất của Công ty.

Tuy nhiên, sau khi Nhà nước bán 51% vốn cổ phần cho các cán bộ công nhân viên trong công ty, không còn lệ thuộc vào Nhà nước nữa thì Công ty đã gặp phải không ít khó khăn về vấn đề tài chính, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thêm vào đó, với xu thế hội nhập quốc tế, sản phẩm của ngành dệt may nói chung và sản phẩm của Công ty nói riêng đang bị cạnh tranh quyết liệt, rất nhiều công ty sản xuất cùng loại sản phẩm tung ra thị trường với giá cả thấp hơn giá cả của Công ty. Ngoài cạnh tranh về giá giữa các công ty trên cùng địa bàn, việc đáp ứng thời gian giao hàng và chất lượng sản phẩm đang là thách thức lớn của Công ty.

Trước tình hình đó, bên cạnh việc cơ cấu lại bộ máy hoạt động sao cho có hiệu quả, hiện nay Công ty đã tiến hành áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, sản phẩm sản xuất ra có chất lượng cao, đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe của thị trường, nâng cao tính cạnh tranh cho các sản phẩm của Công ty.

Chiến lược phát triển của Công ty là tiếp tục giữ vững và khẳng định thương hiệu của mình. Trong chiến lược đó, hoạt động của bộ máy kế toán cũng giữ một vai trò hết sức quan trọng và không ngừng được củng cố cùng với sự phát triển của Công ty.

Qua thời gian thực tập, tìm hiểu công tác kế toán tại công ty Cổ phần may Thăng Long em có một số nhận xét như sau:

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần May Thăng Long được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Việc áp dụng mô hình này là rất phù hợp với đặc điểm ngành nghề, đặc điểm tổ chức quản lý cũng như quy mô sản xuất của Công ty.

Toàn bộ công việc như hạch toán ban đầu, việc ghi sổ, lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng kế toán. Như vậy kế toán trưởng sẽ dễ dàng hơn trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các nhân viên kế toán, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong việc hạch toán và ghi sổ kế toán. Việc tập trung về một mối như vậy giúp cho việc tập hợp và cung cấp thông tin kế toán tài chính nhanh chóng, chính xác đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo.

Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn. Sau khi đã có số liệu tổng hợp do nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và tính kết quả hoạt động cuối cùng của doanh nghiệp.

- Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó ban giám đốc Công ty cũng như các đối tượng có liên quan như: ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Về việc vận dụng hệ thống tài khoản

Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng ở công ty phù hợp với hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành.

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán

Với việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung thì công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện đơn giản đồng thời vẫn đảm bảo được tính chính xác, đặc biệt với hình thức này sẽ thuận tiện cho việc áp dụng kế toán bằng máy vi tính.

Hệ thống sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hợp lý, đảm bảo tính khoa học, chính xác đồng thời đảm bảo tính đơn giản, dễ dàng thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các sổ có liên quan. Sổ sách kế toán được cất giữ và bảo quản cẩn thận qua từng năm

❖ Về hệ thống chứng từ

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ bảo quản cẩn thận theo quy định.

❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2. Hạn chế

Công ty Cổ phần may Thăng Long là một trong những Công ty có quy mô lớn với mạng lưới tiêu thụ rộng khắp. Vì vậy, khối lượng công việc rất lớn, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh với tần suất cao, trong khi đó công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán nên có thể ảnh hưởng đến tính chính xác, kịp thời số liệu cho người quản lý.

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán

Hệ thống sổ sách kế toán của công ty chỉ bao gồm những sổ tổng hợp mà không có hệ thống sổ chi tiết. Ví dụ như:

- Công ty không lập Sổ chi tiết bán hàng nên rất khó tính được doanh thu cho từng mặt hàng cụ thể. Công ty cũng không lập Sổ chi tiết chi phí nên cũng rất khó biết được chính xác từng nội dung chi phí.

- Sổ chi tiết phải thu khách hàng kế toán không lập cột số dư sau mỗi lần nghiệp vụ phát sinh là bao nhiêu. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc theo dõi số tiền còn phải thu của khách hàng khi nhà quản lý yêu cầu.

❖ Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán

Về luân chuyển chứng từ: Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các nhân viên kế toán và thủ kho về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về công tác bán hàng: công ty nên áp dụng chính sách bán hàng một cách linh hoạt hơn như sử dụng chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng mua với số lượng lớn và sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán tiền hàng trước thời gian quy định trong hợp đồng. Điều này giúp công ty tăng doanh thu và thu hồi vốn nhanh, tăng tốc độ vòng quay vốn.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long.**3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Muốn vậy, trước hết Công ty phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán là một bộ máy quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng các phương pháp khoa học, có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Việc lập các báo cáo tài chính sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm, đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quan thuế... một cách chính xác và cụ thể.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp là làm thế nào để tăng nhanh vòng quay vốn để duy trì hoạt động kinh doanh của mình. Để đạt được điều đó thì kế toán công ty phải hoàn thiện tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vì:

- Công tác này sẽ giúp cung cấp các thông tin chính xác cho nhà quản lý, giúp những nhà quản lý ra các quyết định một cách kịp thời và có hiệu quả hơn.

3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần May Thăng Long.

Mặc dù còn có những hạn chế nhất định nhưng đó đơn thuần cũng chỉ là chưa hoàn toàn phù hợp với lý thuyết hạch toán kế toán nói chung dưới sự so sánh và đối chiếu các kiến thức đã được học trong nhà trường. Để tiếp tục đạt được những bước phát triển vững mạnh trong thời gian tới, Công ty cần luôn luôn thay đổi để phù hợp với tình hình mới. Dù còn là một sinh viên với kiến thức và kinh nghiệm chưa nhiều nhưng em xin mạnh dạn đóng góp một vài ý kiến đề xuất như sau:

3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Công ty Cổ phần May Thăng Long.

Kế toán công ty nên mở thêm Sổ chi tiết bán hàng theo đúng mẫu của Bộ tài chính (Mẫu số S35 - DN) ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC để theo dõi chi tiết doanh thu, giá vốn và lãi gộp của từng sản phẩm (Biểu số 3.1a)

Bên cạnh đó, công ty cũng nên mở thêm Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu số 3.2a) theo mẫu của Bộ tài chính (Mẫu số S36 - DN) ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC như:

+ Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632 – “Giá vốn hàng bán” cho từng loại sản phẩm để theo dõi giá vốn của từng loại sản phẩm.

+ Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 641 – “Chi phí bán hàng” và TK 642 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp” để thuận tiện cho việc theo dõi các yếu tố chi phí. Từ đó giúp nhà quản lý đưa ra các biện pháp cắt giảm chi phí sao cho hiệu quả và hợp lý nhất, góp phần tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Cụ thể:

a. Chi phí bán hàng – TK 641 sẽ chia ra thành các tiểu khoản

- TK 6411: Chi phí quản lý kho hàng.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Các chi phí khác bằng tiền

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp – TK 642 sẽ chia ra thành các tiểu khoản:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền

Kê toán công ty nên sử dụng mẫu sổ chi tiết phải thu của khách hàng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành bằng việc thêm cột số dư để thuận tiện cho việc theo dõi tình hình thanh toán, số còn phải thu của từng khách hàng tính đến từng thời điểm là bao nhiêu (Biểu số 3.3)

Biểu số 3.1a: Mẫu Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:

Mẫu số S35 - DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):

Năm:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
			Cộng phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ví dụ: Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0002728 (Biểu số 2.3), kế toán tiến hành vào sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.1b) và Sổ chi tiết thanh toán với người bán (Biểu số 3.2b)

Biểu số 3.1b:

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Áo jacket

Năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
								
23/10	HĐ2728	23/10	Cty may XK Thành Công	131	1,000	205,000	205,000,000		
								
13/12	HĐ2752	13/12	Cty TNHH Đức Giang	131	480	205,000	98,400,000		
								
			Cộng phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2a: Mẫu Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Đơn vị:

Mẫu số S36 - DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335,632)

Tài khoản:

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
			-Số dư đầu kỳ						
			-Số phát sinh trong kỳ						
			-Cộng số phát sinh trong kỳ						
			-Ghi Có TK						
			-Số dư cuối kỳ						

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ví dụ: Căn cứ vào Phiếu xuất kho (Biểu số 2.10) kế toán vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh và các sổ khác có liên quan.

Biểu số 3.2b:

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm: Áo Jacket

Năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
						
23/10	PXK38/10	23/10	Cty may XK Thành Công	155	1,000	190,090	190,090,000
						
24/11	PXK17/11	24/11	Cty CP may Sông Hồng	155	300	193,885	58,165,500
						
13/12	PXK15/12	13/12	Cty TNHH Đức Giang	155	480	189,372	90,898,560
						
			Cộng				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ví dụ: Căn cứ vào Phiếu chi (Biểu số 2.16) về việc chi trả hoa hồng cho đại lý, kế toán vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh và các sổ có liên quan

Biểu số 3.2c:

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 641

Năm 2010

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 641								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
						6411	6422	6413	6414	6415	6416	6417	6418
												
6/12	PXK18/12	6/12	Xí nghiệp I lấy bao bì	153	2,743,000			2,743,000					
8/12	PXK20/12	8/12	Xí nghiệp II lấy bao bì	153	13,910,000			13,910,000					
												
10/12	PC20/12	10/12	Chi hoa hồng cho Cty Hồng Hà	111	14,080,000								14,080,000
12/12	PXK22/12	12/12	Xí nghiệp III lấy bao bì	153	3,160,000			3,160,000					
												
31/12	BKH T12	31/12	KH TSCĐ tháng 12	214	10,975,495				10,975,495				
												
			Cộng số phát sinh trong kỳ		2,446,127,942	82,043,483	32.926.485	28,464,353

Biểu số 3.3a: Mẫu Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)

Đơn vị:

Mẫu số S31 - DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Đối tượng:

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
			- Cộng phát sinh						
			- Số dư cuối kỳ						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.3b: Mẫu Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: 1311

Đối tượng: Công ty may XK Thành Công

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ					—	
8/10	GBC132	8/10	Ứng trước tiền hàng theo HĐ102/2009	112			112,750,000		112,750,000
23/10	HĐ0002728	23/10	Bán áo Jacket	511		205,000,000		92,250,000	
23/10	HĐ0002728	23/10	Bán áo Jacket	3331		20,500,000		112,750,000	
								
			- Cộng phát sinh			2,943,711,597	2,346,306,718		
			- Số dư cuối kỳ						597,404,861

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.2.2. Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty Cổ phần May Thăng Long

Hiện nay, công ty sử dụng hệ thống máy vi tính để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác kế toán giúp giảm khối lượng công việc. Nhưng những chứng từ kế toán vẫn thực hiện bằng việc ghi chép là chủ yếu. Điều này đôi khi gây ra sự chậm trễ trong trường hợp khối lượng công việc nhiều hay có việc cần, đột xuất cần có thông tin ngay thì rất bất lợi cho công việc. Với sự phát triển của công nghệ thông tin, công ty cố gắng trang bị phần mềm kế toán để nâng cao chất lượng công việc. Hiệu quả và chất lượng công việc do sự hỗ trợ của phần mềm kế toán là rất lớn, điều này chắc chắn lãnh đạo công ty cũng nhận thức rõ.

Trên thị trường hiện nay có khoảng 30 phần mềm kế toán như: Seeget, Fast Financial, Misa sme.net 2010, Metadata Accounting, Sas Innova, 3S Accounting... Mỗi phần mềm đều có những tính năng và ưu điểm riêng. Sau đây, em xin giới thiệu qua về 3 phần mềm kế toán tương đối phù hợp với công ty:

Phần mềm kế toán Seeget: được xây dựng và phát triển trên nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của các doanh nghiệp. Tuân thủ theo đúng quy định mới nhất của Bộ tài chính Việt Nam ban hành, dễ dàng sử dụng, triển khai nhanh, chi phí thấp. Sản phẩm luôn đáp ứng đủ yêu cầu về quản lý của doanh nghiệp về: theo dõi về bán hàng, mua hàng, công nợ, chi phí, hàng tồn kho...

Sản phẩm có thể chạy trên mạng, phân cấp chức năng sử dụng cho người dùng, rất linh động trong việc mở rộng khi doanh nghiệp phát triển lớn mạnh như: thay đổi quy mô hoạt động, bổ sung lĩnh vực hoạt động, thay đổi phương thức quản lý...

Tính năng của phần mềm:

- + Tự động hóa hoàn toàn các nghiệp vụ
- + Sẵn sàng cho báo cáo thuế GTGT
- + Khả năng bảo mật tối đa
- + Tính linh động và khả chuyên: dễ dàng thay đổi thêm bớt các chứng từ đầu ra, đầu vào, các loại báo cáo đầu ra, thay đổi các danh mục tài khoản, hàng hóa, vật tư...
- + Xác định trị giá hàng tồn kho theo 3 phương pháp: Bình quân gia quyền, đích danh, nhập trước – xuất trước.
- + Lập các phiếu kế toán: lương, khấu hao, bút toán kết chuyển
- + Tự động phân bổ, kết chuyển cuối kỳ
- + Tự động chuyển phân hệ khác

+ In báo cáo tài chính, báo cáo thuế

+ In sổ theo hình thức Nhật ký chung, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký chứng từ

Phần mềm kế toán Metadata Accounting: được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ bao trùm hết các phần hành kế toán của các loại hình doanh nghiệp. Với tiêu chí: “đơn giản hóa, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của doanh nghiệp” Metadata Accounting được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác kế toán tài chính – quản trị doanh nghiệp, phù hợp với loại hình doanh nghiệp: Thương mại, dịch vụ, sản xuất và xây lắp.

Tính năng của phần mềm:

+ Quản lý tiền mặt, tiền gửi: có thể xử lý chênh lệch ngay trong phiếu thu, phiếu chi theo phương pháp tỷ giá thực tế hay tỷ giá hạch toán.

+ Quản lý hàng hóa, vật tư, CCDC theo phương pháp trung bình tháng, đích danh. Quản lý theo kho hàng, theo từng nghiệp vụ nhập xuất

+ Quản lý công nợ: chi tiết theo khách hàng, nhà cung cấp, tự động bù trừ công nợ

+ Quản lý chi phí trả trước:

+ Quản lý TSCĐ: theo dõi tăng giảm TSCĐ, phân bổ khấu hao theo nhiều tiêu thức, người sử dụng có thể điều chỉnh giá trị khấu hao phù hợp

+ Giá thành: tập hợp chi phí sản xuất theo đối tượng giá thành, có thể phân bổ theo công thức do người sử dụng đặt.

+ Kế toán khác: lập Phiếu kế toán

+ Báo cáo: theo QĐ 15 và QĐ 48

+ Mẫu Sổ theo hình thức Nhật ký chung, Nhật ký chứng từ

+ Xuất dữ liệu ra phần mềm hỗ trợ kê khai thuế và các định dạng khác như Excel...

Phần mềm kế toán Misa sme.net 2010: gồm 13 phân hệ được thiết kế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết về tin học và kế toán mà vẫn có thể sử hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt Misa sme.net 2010 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát minh, in, quản lý sử dụng Hóa đơn theo NĐ 51/2010/NĐ-CP

Tính năng mới:

- Tự động cập nhật phiên bản mới qua Internet
- Cho thuê giấy phép sử dụng
- Kết xuất các báo cáo thuế ra phần mềm hỗ trợ kê khai thuế 1.3.1

Misa sme.net bao gồm các phân hệ sau: Mua hàng, Bán hàng, Quản lý kho, Quản lý quỹ, Ngân hàng, TSCĐ, Thuế, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Sổ cái
Giá của phần mềm kế toán này khoảng bảy triệu

Trên đây là những nét sơ qua về 3 phần mềm kế toán. Trong thời gian tới hy vọng với sự phát triển của mình công ty sẽ khắc phục được khó khăn, ứng dụng phần mềm cho công tác kế toán.

Bên cạnh đó, công ty cần đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Công ty cần tổ chức cho nhân viên kế toán tham gia các khóa học ngắn hạn để nâng cao trình độ chuyên môn.

3.2.2.3. Hoàn thiện chính sách chiết khấu tại Công ty Cổ phần May Thăng Long

Công ty nên sử dụng chiết khấu thương mại cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Điều này tuy làm giảm doanh thu của Công ty nhưng lại giúp cho Công ty thu hút thêm được một lượng lớn khách hàng, đẩy mạnh được hoạt động tiêu thụ sản phẩm. Về hạch toán, các khoản chiết khấu thương mại được phản ánh vào TK 521 – “Chiết khấu thương mại”.

Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư.

Trong kỳ, khi phát sinh các khoản chiết khấu thương mại, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 521:

Nợ TK 3331:

Có TK 111, 112, 131

Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Nợ TK 511:

Có TK 521:

Bên cạnh đó, Công ty cũng nên sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán tiền hàng trước thời gian quy định trong hợp đồng. Điều này tuy làm tăng chi phí cho Công ty nhưng lại giúp công ty thu hồi vốn nhanh, tăng tốc độ vòng quay vốn. Để xác định được tỷ lệ chiết khấu một cách hợp lý cần phải

đặt trong mối quan hệ với lãi suất ngân hàng có nghĩa là tỷ lệ chiết khấu thanh toán phải lớn hơn lãi suất tiền gửi và nhỏ hơn lãi suất tiền vay ngân hàng. Về hạch toán, các khoản chiết khấu thanh toán được phản ánh vào TK 635 – “Chi phí tài chính”.

Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí chuyển nhượng đất,..., được xác định là tiêu thụ.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Trong kỳ, khi phát sinh các khoản chiết khấu thanh toán, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 635:

Có TK 111, 112, 131

Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thanh toán cho người mua phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911:

Có TK 635:

Trong thời gian tới, hi vọng với những chính sách mềm dẻo của mình, công ty sẽ mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển mạnh mẽ hơn.

3.2.2.4. Một số giải pháp khác

+ Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng để quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu số 3.4. Sổ giao nhận chứng từ

Đơn vị:

Địa chỉ:

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu chứng từ	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

Ngày...tháng...năm...

+ Vận dụng kế toán quản trị trong công tác kế toán

Kế toán quản trị và kế toán tài chính là hai bộ phận trọng trong công tác kế toán. Hiện nay, hầu hết các công ty cũng đã dần áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp của mình. Kế toán quản trị đưa ra tất cả các thông tin kinh tế đã được đo lường, xử lý, và cung cấp cho ban lãnh đạo doanh nghiệp để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hay nói cách khác kế toán quản trị giúp ban lãnh đạo doanh nghiệp cân nhắc và quyết định lựa chọn một trong các phương án có hiệu quả cao nhất: phải sản xuất sản phẩm nào, sản xuất bằng cách nào, bán các sản phẩm đó bằng cách nào, theo giá nào, làm thế nào để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và phát triển khả năng sản xuất.

Xác định được tầm quan trọng của kế toán quản trị, em hi vọng công ty nên tổ chức một bộ phận kế toán quản trị riêng để có thể cung cấp các thông tin có giá trị cho ban lãnh đạo Công ty trong việc lập các kế hoạch kinh doanh. Công ty nên tiến hành lập các báo cáo quản trị để từ đó các nhà quản trị có thể đánh giá, phân tích và có các chính sách kinh tế kịp thời trong mỗi giai đoạn kinh doanh của Công ty.

KẾT LUẬN

Trải qua gần 50 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần may Thăng Long đã đạt được rất nhiều thành công đáng khích lệ. Hiện nay Công ty đã có một chỗ đứng vững chắc trong làng dệt may Việt Nam. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã dần đi vào quỹ đạo vận hành của nền kinh tế thị trường. Sản phẩm của Công ty đang từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường nội địa và thị trường quốc tế. Những thành công của công ty ngày hôm nay là có một phần đóng góp không nhỏ của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần may Thăng Long, được sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh, cùng các cô chú, anh chị trong phòng Kế toán của Công ty, em đã có điều kiện tìm hiểu về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Qua đó, em nhận thấy việc thực hiện tổ chức kế toán phần hành này tại công ty là khá tốt. Mặc dù còn một vài điểm thiếu sót nhưng em tin chắc rằng với sự năng động, sáng tạo và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao của các nhân viên kế toán tại Công ty thì công tác kế toán nói chung tại Công ty và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty sẽ ngày càng được hoàn thiện hơn.

Trên đây là kết quả sau thời gian em thực tập tại Công ty Cổ phần May Thăng Long. Tuy nhiên do thời gian thực tập để tìm hiểu thực tế không nhiều và kiến thức vẫn nằm trong khuôn khổ nhất định nên bài viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. Các chứng từ, sổ sách, mẫu sổ kế toán năm 2010 tại Công ty Cổ phần May Thăng Long
4. Kế toán doanh nghiệp – *Chủ biên PGS.TS Nguyễn Văn Công*
5. Kinh tế và phân tích hoạt động kinh doanh – *Chủ biên PGS.TS Phạm Văn Kế*
6. Chuẩn mực kế toán Việt Nam – *websise: [www. google.com](http://www.google.com)
Websise: Ketoanvietnam.com*
7. Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam
*PGS.TS. Đào Văn Tài
TS. Võ Văn Nhị
Trần Anh Hoa*